

Số: /2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đê điều và Luật Phòng, chống thiên tai số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đê điều và Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô;

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 36/2024/TT-BGTVT NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 2024 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC, QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BẾN XE, BÃI ĐỖ XE, TRẠM DỪNG NGHỈ, ĐIỂM DỪNG XE TRÊN ĐƯỜNG BỘ; QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐƯA BẾN XE, TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 38

1. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 38 như sau:

“d) Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) và biên bản nghiệm thu xây dựng;”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 38 như sau:

“3. Quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra các tiêu chí phân loại bến xe theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách và lập biên bản kiểm tra;

b) Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra phải thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách; nếu bến xe đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Xây dựng quyết định công bố đưa bến xe vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Quyết định công bố đưa bến xe vào khai thác có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị không thời hạn.

d) Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân bằng bản giấy và bản điện tử hợp lệ; đồng thời tích hợp trên VNeID.”.

3. Sửa đổi điểm c khoản 5 Điều 38 như sau:

“c) Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền nếu có thay đổi so với lần công bố trước (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 38 như sau:

“6. Quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố lại:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra các tiêu chí phân loại bến xe và lập biên bản kiểm tra;

b) Trường hợp sau khi kiểm tra, trường hợp bến xe không đáp ứng đúng các tiêu chí thì ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra phải thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe; trường hợp bến xe đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe đề nghị thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Xây dựng quyết định công bố đưa bến xe vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân bằng bản giấy và bản điện tử hợp lệ; đồng thời tích hợp trên VNeID.”

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác

1. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” tại khoản 2 Điều 10, điểm d khoản 1 Điều 46, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 46 của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng cụm từ “Bộ Xây dựng”.

2. Thay thế cụm từ “Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải” tại các Phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Xây dựng”.

3. Thay thế cụm từ “Sở Giao thông vận tải” tại điểm a khoản 4 Điều 5; điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm d khoản 2 Điều 6; khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 7; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 10; khoản 2 Điều 11; khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 12; điểm b khoản 3 Điều 17; điểm a, điểm b khoản 4 Điều 18; khoản 1, khoản 3 Điều 19; khoản 1, 3, 4, 5 Điều 20; khoản 1 Điều 21; điểm h, điểm i khoản 1, khoản 4 Điều 37; khoản 1 Điều 38; điểm a, điểm b khoản 3 Điều 38; khoản 4, khoản 6 Điều 38, điểm b khoản 7 Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 40; điểm h khoản 1 Điều 41, khoản 3 Điều 41; khoản 1 Điều 42; Điều 45; điểm d khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 2 Điều 46 của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng cụm từ “Sở Xây dựng”.

4. Thay thế Phụ lục VII và Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” và “thanh tra đường bộ” tại điểm e khoản 1, điểm d khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 37; điểm b khoản 2 Điều 39; điểm b khoản 3 Điều 41; khoản 6 Điều 44; khoản 5, khoản 7 Điều 45 của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 40/2024/TT-BGTVT NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 2024 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 9

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp, cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ, nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường, chủ đầu tư dự án xây dựng, dự án sửa chữa công trình đường bộ, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu sửa chữa công trình (đối với trường hợp thực hiện dự án đầu tư

xây dựng và dự án sửa chữa công trình đường bộ) phải thường trực 24/24 giờ để theo dõi sát diễn biến tình hình sự cố, thiên tai; căn cứ quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai, pháp luật về xây dựng, quy định của Luật Đường bộ, thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị mình và mức độ nguy hiểm, ảnh hưởng của thiên tai, điều kiện địa hình và tình hình thực tế để lựa chọn, áp dụng các biện pháp ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phù hợp, kịp thời; trực tiếp chỉ đạo hoặc tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chỉ đạo, điều hành bộ máy của mình thực hiện giải pháp ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Các cơ quan có thẩm quyền, nhà thầu bảo trì công trình đường bộ khi điều động lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị dự phòng được giao quản lý để ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phải lập đầy đủ các thủ tục lệnh xuất kho, phiếu giao nhận vật tư, phương tiện và trang thiết bị dự phòng. Trường hợp không sử dụng hết vật tư dự phòng đã cấp và trường hợp kết thúc sử dụng xong phương tiện, trang thiết bị dự phòng, thì phải thực hiện thủ tục tiếp nhận để bảo quản tại kho bảo quản vật tư dự phòng theo quy định.

Trường hợp đã điều động nhân lực, phương tiện, trang thiết bị, vật tư dự phòng đến hiện trường để ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn nhưng sự cố không xảy ra thì cơ quan, tổ chức yêu cầu điều động, đơn vị thực hiện công tác điều động nhân lực, phương tiện, trang thiết bị, vật tư dự phòng đến hiện trường, người quản lý, sử dụng đường bộ lập biên bản xác nhận. Đối với trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước thì việc xác nhận phải có thành phần là cơ quan quản lý đường bộ trực tiếp quản lý tuyến đường, nhà thầu bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường, tổ chức, cá nhân được giao giám sát công tác bảo trì nếu có”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11

“3. Khi thiên tai gây hư hỏng công trình đường bộ, ùn tắc giao thông trên đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ, nhà thầu bảo trì công trình đường bộ, nhà thầu thi công xây dựng công trình, cơ quan, tổ chức khác có trách nhiệm phối hợp thực hiện ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, các quy định khác của pháp luật về phòng, chống thiên tai và các quy định sau:

a) Đối với đường bộ đang khai thác, sử dụng do các cơ quan quản lý đường bộ (Khu Quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã) trực tiếp quản lý, cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm: chủ trì, phối hợp với các nhà thầu bảo

trì công trình đường bộ đánh giá, xác định thiệt hại do thiên tai gây ra; tổ chức khắc phục hậu quả thiên tai để bảo đảm giao thông theo quy định các Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư này và quy định khác của pháp luật phòng, chống thiên tai, pháp luật về xây dựng và pháp luật về đường bộ đối với đường bộ thuộc phạm vi quản lý; đồng thời báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã;

b) Đối với đường bộ do Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ quản lý, Doanh nghiệp có trách nhiệm: chủ trì, phối hợp cơ quan quản lý đường bộ, các nhà thầu bảo trì công trình đường bộ để thực hiện các quy định tại điểm a khoản này; đồng thời báo cáo cơ quan ký hợp đồng đối tác công tư, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã, cơ quan quản lý đường bộ trong khu vực;

c) Đối với các trường hợp đường bộ đang khai thác không quy định tại điểm a và b khoản này, người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định tại điểm a khoản này; đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã, cơ quan quản lý đường bộ trong khu vực;

d) Đối với trường hợp đang thực hiện dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ, dự án sửa chữa trên đường bộ đang khai thác: Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các nhà thầu thi công xây dựng công trình nhà thầu giám sát thi công xây dựng để thực hiện các quy định tại điểm a khoản này; đồng thời báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp, người quyết định đầu tư, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã và cơ quan quản lý đường bộ trong khu vực;

đ) Trường hợp cần công bố tình huống khẩn cấp do thiên tai, ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp do thiên tai, Khu Quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã, Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ, chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền để công bố tình huống khẩn cấp do thiên tai, lệnh xây dựng công trình khẩn cấp theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều 10 và Điều 13 Thông tư này.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 14

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Khi có thiệt hại do thiên tai gây ra, chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu giám sát thi công xây dựng, tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm (nếu có), kiểm tra hiện trường, xác định thiệt hại để tổ chức xử lý, khắc phục hậu quả theo

quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về phòng, chống thiên tai và quy định tại Thông tư này;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Theo phạm vi thi công được giao, nhà thầu thi công thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng, người quản lý, sử dụng đường bộ, nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường, đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm (nếu có), kiểm tra hiện trường, xác định thiệt hại do thiên tai gây ra và tổ chức thực hiện khắc phục;”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 15.

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Khi sạt lở ta luy âm, lún sụt lấn vào nền, mặt đường: tùy theo tình hình thực tế của địa hình, địa chất, thủy văn và công trình, thực hiện gia cố bảo vệ ta luy âm nền đường bằng một hoặc kết hợp các giải pháp: xếp kê rọ thép đá hộc; đóng hàng cọc thép hình hoặc cọc cừ làm tường chắn chống sụt, sau đó đắp đất, đá theo tiêu chuẩn đắp nền đường vào sau lưng tường chắn, kê rọ đá, hoặc giải pháp kỹ thuật khác phù hợp với điều kiện thực tế công trình, địa hình, địa chất và thủy văn nơi xây dựng công trình trên địa bàn. Đối với trường hợp sạt lở taluy âm nền đường, bề rộng mặt đường còn lại $\leq 3,0$ m hoặc cần mở rộng tạm mặt đường bảo đảm giao thông, xử lý ùn tắc giao thông tại vị trí sạt trong thời gian chưa hoàn thành việc xây dựng, gia cố bảo vệ mái ta luy âm, thì thực hiện lấp rãnh tạm thời, nhưng phải có giải pháp thoát nước, hoặc đào xén vào chân ta luy dương đạt bề rộng mặt đường $\geq 4,0$ m để thông xe tạm. Sau khi hoàn thành việc khôi phục mặt đường tại vị trí bị sạt lở bảo đảm cho các phương tiện lưu thông bình thường, tiến hành khôi phục lại rãnh thoát nước và thực hiện các công tác khác để hoàn thiện kết cấu hạ tầng đường bộ và tổ chức giao thông cho các phương tiện đi qua đoạn tuyến;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm m như sau:

“m) Trường hợp khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc và bảo đảm giao thông quy định tại điểm d và điểm g khoản này trên các tuyến đường bộ sử dụng vốn ngân sách trung ương thuộc phạm vi quản lý của Cục Đường bộ Việt Nam thì được thực hiện như sau: đối với trường hợp phải thực hiện ngay để phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ, Khu Quản lý đường bộ có trách nhiệm khẩn trương tổ chức thực hiện; đối với trường hợp còn lại, Khu Quản lý đường bộ báo cáo để Cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận quy mô, giải pháp chủ yếu trước khi thực hiện.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Sạt, lở ta luy âm ăn sâu vào mặt đường lớn hơn 01 m đối với đường cấp IV trở lên và 0,5 m đối với đường cấp V trở xuống: căn cứ điều kiện địa hình và địa chất, thủy văn, chiều rộng phần mặt đường còn lại dành cho phương tiện giao thông

và tình trạng, mức độ hư hỏng kết cấu hạ tầng để có giải pháp nhằm bảo vệ nền, mặt đường tránh việc sạt lở xuống ta luy âm. Các giải pháp gồm: lắp dựng tường kê rọ thép xếp đá học, xây dựng tường chắn bằng bê tông cốt thép, gạch, đá xây; đóng các hàng cọc bằng thép hình, cọc ván thép, cọc bê tông cốt thép, bê tông cốt thép dự ứng lực đóng xuống nền đường để tạo tường chắn chống sụt; hoặc chống sạt lở nền đường bằng các giải pháp kỹ thuật khác để bảo vệ nền, mặt đường và bảo đảm giao thông an toàn. Trong thời gian khắc phục hậu quả thiên tai giao thông qua đoạn tuyến không an toàn, ùn tắc, phải thực hiện các biện pháp xây dựng đường tạm để tránh vị trí hư hỏng, đào mở rộng ta luy dương để bảo đảm giao thông tạm. Sau khi khắc phục xong vị trí sạt lở nền, mặt đường do hậu quả thiên tai, tiến hành các công việc hoàn trả mặt bằng vị trí xây đường tạm và các công việc cần thiết khác.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 16

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Thời gian thẩm định hồ sơ và phê duyệt hoặc thông báo kết quả là 20 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ như sau:

“đ) Biên bản xác nhận khối lượng đã thực hiện công tác khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông, kèm theo bản kê khối lượng chi tiết đã thực hiện. Thành phần ký biên bản gồm: Đối với trường hợp khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông trên đường bộ đang khai thác, thành phần ký biên bản theo quy định tại điểm h khoản này và nhà thầu khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông trong trường hợp nhà thầu bảo dưỡng thường xuyên không thực hiện công việc này.

Đối với trường hợp khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông tại các dự án thi công xây dựng trên đường bộ đang khai thác, thành phần ký biên bản theo quy định tại điểm h khoản này.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 3 như sau:

“h) Biên bản xác minh thiệt hại lập tại hiện trường (gồm các thông tin: vị trí, lý trình; mô tả, đánh giá mức độ thiệt hại, hư hỏng công trình đường bộ; sơ bộ khối lượng hư hỏng; đề xuất phương án xử lý, khắc phục.

Thành phần ký biên bản như sau:

Đối với trường hợp khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông trên đường bộ đang khai thác, thành phần ký biên bản gồm đại diện Cơ quan quản lý đường bộ (trừ trường hợp đường bộ chuyên dùng, đường nội bộ và đường bộ Nhà nước giao doanh nghiệp nhà nước đầu tư xây dựng, quản lý khai thác không

theo hình thức đối tác công tư), người quản lý sử dụng đường bộ, nhà thầu thực hiện nhiệm vụ bảo dưỡng thường xuyên đường bộ.

Đối trường hợp khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông tại các dự án thi công xây dựng trên đường bộ đang khai thác, thành phần ký biên bản gồm đại diện Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án, nhà thầu thực hiện công tác này và nhà thầu giám sát thi công xây dựng.”.

c) Bổ sung điểm l vào sau điểm k khoản 3 như sau:

“l) Tờ trình quy định tại điểm a khoản này là bản chính, hoặc biểu mẫu điện tử; thành phần hồ sơ còn lại quy định tại khoản này là bản sao.”.

3. Sửa đổi bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Thành phần Hồ sơ hoàn thành dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt Hồ sơ hoàn thành dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai của cơ quan lập hồ sơ và các hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 58 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 17

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Vật tư, trang thiết bị chủ yếu bao gồm: rọ thép, dây thép buộc; đá hộc, đá dăm, bê tông nhựa nguội, đá dăm đen và các loại vật liệu để sửa chữa mặt đường, đầm cầu các loại, cọc thép, cọc bê tông cốt thép, bao tải, vải địa kỹ thuật và các vật liệu cần thiết khác phục vụ sửa chữa, khắc phục hậu quả thiên tai trên các công trình đường bộ; dây thùng, cọc tiêu, biển báo hiệu đường bộ, rào chắn bảo đảm giao thông, chóp, nón, đèn cảnh báo, đèn chiếu sáng để bảo đảm giao thông; đèn pin, vải bạt, trang bị quần, áo, mũ, găng tay và các dụng cụ phòng hộ cho người lao động, người tham gia công tác phòng, chống thiên tai; dây buộc, bình chữa cháy”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Phương tiện chủ yếu bao gồm: phà, cần cẩu cứu hộ, cần cẩu thi công bốc xếp, xe ô tô chuyên dùng cứu nạn, xe ô tô chuyên dùng cứu hộ, xe tải, xe chở nước chuyên dụng, ca nô, búa đóng cọc, máy xúc, máy ủi, máy lu, máy phát điện, máy bơm nước, máy hàn, kích, thiết bị thông tin liên lạc hữu tuyến và vô tuyến, máy cưa, cắt cây, các thiết bị khác phục vụ thi công công trình đường bộ”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã điều động vật tư, phương tiện, trang thiết bị dự phòng thuộc thẩm quyền quản lý để kịp thời ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên đường bộ thuộc phạm vi quản lý;”.

Điều 9. Thay thế, bãi bỏ một số quy định, phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ

1. Thay thế các cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” tại khoản 4 Điều 9, điểm a khoản 1 Điều 10, điểm c khoản 2 Điều 11, điểm a và điểm c khoản 2 Điều 13, khoản 3 Điều 15, điểm b khoản 1, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 17, khoản 1 và điểm d khoản 4 Điều 22, khoản 1 Điều 23 Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng cụm từ “Bộ Xây dựng”.

2. Thay thế các cụm từ “Sở Giao thông vận tải” tại khoản 4 Điều 9, các điểm a, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 11, điểm b khoản 2 Điều 17, khoản 1 Điều 22, khoản 2 Điều 23 Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng cụm từ “Sở Xây dựng”.

3. Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện” tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng cụm từ “Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã”.

4. Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Bãi bỏ các điều, khoản, điểm sau của Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải:

- a) Bãi bỏ khoản 4 Điều 11;
- đ) Bãi bỏ khoản 3 Điều 15;
- e) Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 16.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 41/2024/TT-BGTVT NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 2024 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC VÀ BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác theo hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Thành phần hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo quy định tại mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác, bao gồm: thuyết minh thiết kế, bản vẽ thiết kế nút giao đầu nối và bản vẽ hoàn trả kết cấu hạ tầng đường quốc lộ; văn bản hoặc quyết định chấp thuận vị trí đầu nối vào quốc lộ đang khai thác, trừ vị trí đầu nối không phải chấp thuận theo quy định Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

c) Một trong các văn bản sau để xác định chủ đầu tư đầu nối: văn bản giao làm chủ đầu tư nút giao đầu nối, hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định duyệt dự án đầu tư đường nhánh đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác;

d) Thành phần hồ sơ quy định tại điểm a khoản này là bản chính hoặc biểu mẫu điện tử; thành phần hồ sơ quy định tại các điểm b và điểm c khoản này là một trong các trường hợp sau: bản chính, bản sao có chứng thực, bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc, bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính, bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu. Số lượng 01 bộ.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Đối với quốc lộ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, Sở Xây dựng chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác theo quy định tại mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.

b) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 3 như sau:

“d) Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân bằng bản giấy và bản điện tử hợp lệ; đồng thời tích hợp trên VNeID.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Nếu quá thời hạn 18 tháng kể từ ngày ban hành văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào quốc lộ đang khai thác mà chủ đầu tư chưa gửi hồ sơ đề nghị

chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác theo quy định tại Điều 4 Thông tư này hoặc có thay đổi về quy mô nút giao đầu nối so với hồ sơ thiết kế đã được chấp thuận thì phải thực hiện lại thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao theo quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác theo hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Thành phần hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo quy định tại mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thuyết minh và bản vẽ biện pháp tổ chức thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ đang khai thác; biện pháp bảo đảm giao thông đường bộ khi thi công xây dựng nút giao đầu nối.

c) Thành phần hồ sơ quy định tại điểm a khoản này là bản chính hoặc biểu mẫu điện tử; thành phần hồ sơ quy định tại điểm b khoản này là một trong các trường hợp sau: bản chính, bản sao có chứng thực, bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc, bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính, bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu. Số lượng 01 bộ.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Đối với quốc lộ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, Sở Xây dựng thực hiện việc cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ đang khai thác.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối theo quy định tại mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

b) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 3 như sau:

“d) Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân bằng bản giấy và bản điện tử hợp lệ; đồng thời tích hợp trên VNeID.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Đơn đề nghị theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) Bản vẽ thiết kế thi công có các thông tin về: vị trí, lý trình đường bộ, kích thước công trình trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ; mặt đứng và khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ, khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình đề nghị cấp phép đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; bộ phận công trình đường bộ phải đào, khoan khi xây dựng công trình;”.

b) Bổ sung các điểm đ vào sau điểm d khoản 2 như sau:

“đ) Thành phần hồ sơ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này là bản chính hoặc biểu mẫu điện tử; thành phần hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này là một trong các trường hợp sau: bản chính, bản sao có chứng thực, bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc, bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính, bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu. Số lượng 01 bộ.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác: Khu Quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi quản lý.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 4 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép thi công theo quy định tại mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, trường hợp không cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;”

b) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 4 như sau:

“d) Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân bằng bản giấy và bản điện tử hợp lệ; tích hợp trên VNeID.”.

5. Bổ sung khoản 6 và sau khoản 5 như sau:

“6. Trường hợp chấp thuận xây dựng, gia cường hiện đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác thì thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Trường hợp thi công nút giao đầu nối vào đường bộ đang khai thác thì không thực hiện thủ tục cấp giấy phép thi công trên đường bộ đang khai thác quy định tại

các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này. Việc cấp phép thi công nút giao đầu nối thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thi công công trình trên đường bộ đang khai thác, thi công nút giao đầu nối, thi công đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác:

a) Trước khi thi công công trình trên đường bộ đang khai thác, chủ đầu tư có trách nhiệm lắp đặt tại nơi thi công bảng thông tin công khai tên chủ đầu tư, nhà thầu thi công, đơn vị giám sát, thời gian bắt đầu thi công, thời hạn kết thúc thi công; số điện thoại của đại diện chủ đầu tư, nhà thầu thi công, đơn vị giám sát để tổ chức, cá nhân liên hệ, cung cấp thông tin cần thiết phục vụ bảo đảm an toàn xây dựng, an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ đang khai thác, trừ trường hợp khắc phục nguy cơ sập đổ công trình, xây dựng công trình khẩn cấp và công tác bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường bộ;

b) Trước khi thi công phải thông báo cho người quản lý, sử dụng đường bộ và các cơ quan, tổ chức sau: thông báo cho cơ quan cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ trên tuyến đối với đường cao tốc; thông báo cho Cơ quan cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ trên tuyến và Ủy ban nhân dân cấp xã đối với quốc lộ, đường tỉnh, và các đường sau trong đô thị: đường thuộc hệ thống đường chính đô thị, đường chính khu vực và đường khu vực; thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã đối với các trường hợp còn lại;

c) Điều chỉnh, bổ sung các biện pháp bảo đảm giao thông khi có yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ trực tiếp quản lý tuyến đường, lực lượng cảnh sát giao thông trên tuyến trong thời gian thi công trên đường bộ đang khai thác.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ trực tiếp quản lý tuyến đường, người quản lý, sử dụng đường bộ:

a) Kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Điều 21, Điều 32, Điều 33, Điều 34 Luật Đường bộ và giấy phép thi công;

b) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về thi công trên đường bộ đang khai thác, vi phạm về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; Tạm đình chỉ, thu hồi hoặc đề nghị cơ quan cấp phép thi công quyết định tạm đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác đối với trường hợp vi phạm các nội dung quy định trong giấy phép thi công;

c) Xử lý các kiến nghị phát sinh trong quá trình thi công công trình trên đường bộ đang khai thác;

d) Phối hợp với các cơ quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều này trong việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Xây dựng, quản lý, vận hành, bảo trì, khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm và cơ sở dữ liệu về đường bộ; khảo sát, thu thập và cập nhật thông tin dữ liệu đường bộ; quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng hệ thống giao thông thông minh;”

b) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d như sau:

“đ) Mua sắm, bảo quản, bảo trì vật tư, thiết bị dự phòng và các công việc khác liên quan đến nhiệm vụ phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu nạn và đảm bảo giao thông đường bộ, trừ các công việc thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai và quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ nằm ngoài kế hoạch;”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm h như sau:

“h) Mua sắm, sửa chữa thiết bị, phương tiện, trang phục để thực hiện công tác tuần kiểm; hỗ trợ công tác kiểm tra kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; mua sắm ô tô, mô tô chuyên dùng, xe máy, phương tiện, thiết bị để thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ đối với các công việc: tổ chức giao thông và bảo đảm an toàn giao thông trên đường bộ đang khai thác; thực hiện công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong lĩnh vực đường bộ và các công việc khác liên quan đến quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm i như sau:

“i) Trực đảm bảo giao thông, trực chốt theo phương án tổ chức giao thông, quy trình bảo trì, quy trình vận hành khai thác hoặc trong trường hợp khẩn cấp cần bảo đảm an toàn giao thông và khắc phục ứn tắc giao thông theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ; thực hiện thẩm tra an toàn giao thông đối với công trình đường bộ đang khai thác;”.

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm m như sau:

“m) Các công việc để phục vụ cho việc lập kế hoạch và dự toán bảo trì công trình đường bộ hàng năm (kể cả chi phí sử dụng hệ thống công nghệ khảo sát dữ liệu mặt đường); các công việc khác để chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công

trình đường bộ tổ chức thực hiện công tác giám sát, nghiệm thu công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ và các công việc khác theo quy định của pháp luật.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

“b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc tổ chức lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý;”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Doanh nghiệp đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, kinh doanh, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được Nhà nước giao, ký kết hợp đồng chuyên nhượng, hợp đồng cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ và hợp đồng đầu tư theo phương thức đối tác công tư có trách nhiệm: lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều này, quy định của pháp luật về xây dựng, quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định của hợp đồng; thực hiện các công việc phát sinh ngoài kế hoạch, gồm: công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tham gia tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, pháp luật về đường bộ và pháp luật về xây dựng; xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điều chỉnh công trình an toàn giao thông, báo hiệu đường bộ, điều chỉnh, bổ sung tổ chức giao thông và các công việc khác theo quy định của Luật Đường bộ và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; thực hiện các trường hợp khắc phục nguy cơ sập đổ công trình, sự cố công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng và các trường hợp khẩn cấp khác; thỏa thuận với Cơ quan có thẩm quyền ký hợp đồng điều chỉnh, bổ sung vào hợp đồng các công việc và chi phí phát sinh ngoài hợp đồng”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ như sau:

“đ) Chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng đường chuyên dùng, đường nội bộ và đường khác không quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, có trách nhiệm lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Lập, phê duyệt nhu cầu và kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương do Bộ Xây dựng quản lý cho kế hoạch năm sau:

a) Căn cứ vào tình trạng kỹ thuật, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, nhu cầu khai thác vận tải, tải trọng khai thác, lưu lượng giao thông, các dữ liệu khác về khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, các đơn vị được

giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ tổ chức lập nhu cầu quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm các công việc quy định tại khoản 1 Điều này và lập công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư năm sau, báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam trước ngày 30 tháng 5 hàng năm; danh mục dự án ưu tiên bao gồm: bảo dưỡng; khắc phục điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; dự án chuyển tiếp từ năm trước sang; sửa chữa nhằm bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường bộ, an toàn khi vận hành khai thác các bến phà, cầu phao, hầm đường bộ; khắc phục nguy cơ sập đổ công trình.

b) Cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp, thẩm định, tham mưu Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt nhu cầu bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ kèm theo công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư cho kế hoạch năm sau trước ngày 30 tháng 6 hàng năm;

c) Căn cứ vào công việc, danh mục dự án cho phép chuẩn bị đầu tư quy định tại điểm b khoản này, Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện thẩm quyền quyết định đầu tư và có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình, dự toán các công việc trong kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định. Cục Đường bộ Việt Nam được phép điều chỉnh cục bộ chiều dài, lý trình đoạn đường sửa chữa, giải pháp kỹ thuật, bổ sung các hạng mục an toàn giao thông trong phạm vi kinh phí của danh mục được Bộ Xây dựng chấp thuận; đối với trường hợp cần thực hiện giải pháp bảo đảm an toàn chịu lực các bộ phận kết cấu công trình cầu, cống, kè, hầm, phà, Cục Đường bộ Việt Nam phê duyệt không vượt quá 20% kinh phí của danh mục đã được chấp thuận;

d) Căn cứ công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư quy định tại điểm b khoản này; danh mục bảo trì (bảo dưỡng, sửa chữa đột xuất, dự án chuyển tiếp từ năm trước sang) và các công việc quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam, tổng hợp, thẩm định nội bộ, trình Bộ Xây dựng kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm sau trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Cục Đường bộ Việt Nam trình Bộ Xây dựng kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại điểm d khoản này, Bộ xây dựng phê duyệt kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm sau.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Điều chỉnh, bổ sung danh mục, công việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ sử dụng vốn ngân sách trung ương do Bộ Xây dựng quản lý trong năm kế hoạch:

a) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền thông báo nguồn vốn thực hiện không đủ để thực hiện toàn bộ công việc, danh mục dự án thuộc kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đã phê duyệt, Cục Đường bộ Việt Nam phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện (phân kỳ sang năm tiếp theo) một số danh mục của kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ để phù hợp nguồn vốn được giao đảm bảo không để nợ đọng; trong đó ưu tiên hoàn thành các công việc, danh mục dự án bao gồm: bảo dưỡng; khắc phục điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; dự án chuyển tiếp từ năm trước sang; sửa chữa nhằm bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường bộ, an toàn khi vận hành khai thác các bến phà, cầu phao, hầm đường bộ; khắc phục nguy cơ sập đổ công trình.

b) Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung danh mục, công việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư trong quyết định nhu cầu bảo trì đã được phê duyệt hoặc trường hợp cần bổ sung công trình sửa chữa đột xuất ngoài quy định tại điểm a và b khoản 5 Điều này, Cục Đường bộ Việt Nam tham mưu Bộ trưởng Bộ Xây dựng chấp thuận điều chỉnh, bổ sung danh mục, công việc cho phép chuẩn bị đầu tư.

c) Cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm tổng hợp các trường hợp quy định tại điểm c khoản 3, điểm a và điểm b khoản này; phê duyệt điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, đảm bảo không để nợ đọng.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

“5. Các trường hợp phải sửa chữa đột xuất hoặc thực hiện các công việc đột xuất, cấp bách khác được thực hiện ngoài kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ sử dụng vốn ngân sách trung ương do Bộ Xây dựng quản lý, bao gồm:

a) Để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình, thực hiện cứu nạn, cứu hộ, Cục Đường bộ Việt Nam, Khu Quản lý đường bộ tổ chức thực hiện kịp thời các công việc khẩn cấp, cấp bách sau: thực hiện công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tham gia tìm kiếm cứu nạn theo quy định của Điều 26, Điều 30 Luật Phòng, chống thiên tai, Điều 38 Luật Đường bộ và các quy định khác của pháp luật về phòng, chống thiên tai, pháp luật về đường bộ và pháp luật về xây dựng; thực hiện các công việc khẩn cấp, cấp bách để khắc phục nguy cơ sập đổ công trình, giải quyết sự cố công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng; thực hiện các công việc khẩn cấp, cấp bách theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; công tác xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông.

b) Trừ quy định tại điểm a khoản này, đối với trường hợp các trường hợp cần sửa chữa, thực hiện công việc đột xuất khác để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình (sửa chữa điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông; điều chỉnh, bổ

sung công trình an toàn giao thông, báo hiệu đường bộ, điều chỉnh, bổ sung tổ chức giao thông và các công việc khác theo quy định tại các Điều 23, Điều 24, Điều 25 và các quy định khác của Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về đường bộ; thực hiện các kiến nghị của theo quy định tại Điều 79 và các quy định khác của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; thực hiện sửa chữa đột xuất hoặc các công việc đột xuất khác liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì) thì việc cho phép chuẩn bị đầu tư và phải được thực hiện kịp thời theo các quy định như sau: Khu Quản lý đường bộ thực hiện đối với trường hợp có giá trị nhỏ hơn 02 tỷ đồng; Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện đối với trường hợp có giá trị từ 02 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng.

c) Đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản này có giá trị lớn hơn 05 tỷ đồng, Cục Đường bộ Việt Nam báo cáo Bộ Xây dựng chấp thuận, trước khi thực hiện.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung tên Điều và khoản 3 Điều 11

1. Sửa đổi tên Điều 11 như sau:

“Điều 11. Giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường bộ; thời hạn hợp đồng bảo trì theo chất lượng thực hiện; lập hồ sơ và ghi chép kết quả bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường bộ.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện giám sát, nghiệm thu kết quả thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ; việc giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì theo khối lượng thực tế thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 19

“b) Đề nghị tổ chức, cá nhân có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;”

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20

“2. Người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện tuần kiểm đường bộ để thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác: quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ của nhà thầu hoặc tổ chức, cá nhân được giao quản lý, bảo dưỡng công trình đường bộ; công tác tuần đường;

b) Tuyên truyền, vận động việc chấp hành quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

c) Lập biên bản vi phạm việc quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ theo thẩm quyền được giao hoặc đề nghị người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành

chính lập biên bản vi phạm hành chính khi thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; yêu cầu tổ chức, cá nhân chấm dứt hành vi vi phạm các quy định của Luật Đường bộ, khắc phục hậu quả do vi phạm gây ra;

d) Khi nhận được thông tin tai nạn giao thông, phải thực hiện các quy định tại Điều 80 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, thông báo cho cơ quan Công an và các cơ quan, tổ chức khác theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; tham gia xử lý khi có ùn tắc giao thông; tham gia cứu nạn, cứu hộ tai nạn giao thông theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hướng dẫn tạm thời giao thông trong trường hợp cần thiết khi chưa có lực lượng Công an trên tuyến, tham gia bảo vệ hiện trường tai nạn;

e) Tiếp nhận, theo dõi, xử lý các kiến nghị của nhà thầu hoặc tổ chức, cá nhân được giao quản lý, bảo dưỡng công trình đường bộ, người được giao thực hiện tuần đường và kiến nghị của tổ chức, cá nhân khác đối với các vi phạm về quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ; tổ chức giao thông và trật tự, an toàn giao thông đường bộ.”

Điều 18. Thay thế, bãi bỏ một số quy định, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Thay thế một số cụm từ:

a) Thay thế các cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” tại điểm a khoản 2 và khoản 5 Điều 3; điểm a khoản 2 Điều 4; khoản 4 Điều 7; điểm a khoản 2 Điều 9; điểm a khoản 2 Điều 10; điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng cụm từ “Bộ Xây dựng”.

b) Thay thế cụm từ “điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông” tại điểm c khoản 6 phần I khoản 2 Nhật ký tuần đường tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thành cụm từ “điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ; điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ”.

2. Thay thế một số mẫu, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải:

a) Thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Thay thế Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Thay thế Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

đ) Thay thế Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Bãi bỏ điểm k khoản 1 Điều 9 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 22/2014/TT-BGTVT NGÀY 06 THÁNG 06 NĂM 2014 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG QUY TRÌNH VẬN HÀNH, KHAI THÁC BẾN PHÀ, BẾN KHÁCH NGANG SÔNG SỬ DỤNG PHÀ MỘT LƯỚI CHỖ HÀNH KHÁCH VÀ XE Ô TÔ

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9:

“3. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới để chở hành khách và ô tô trên địa bàn.

Trường hợp bến nằm trên địa bàn hai tỉnh, chủ bến gửi hồ sơ đề nghị một Sở Xây dựng để chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng còn lại trong việc thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới để chở hành khách và ô tô.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 10:

“Điều 10. Hồ sơ và trình tự, thủ tục thực hiện phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới để chở hành khách và ô tô

1. Chủ bến lập, gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và ô tô theo hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc qua công dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 9. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị phê duyệt quy trình theo Phụ lục kèm theo Thông tư này;

b) Quy trình vận hành, khai thác bến phà (hoặc bến khách ngang sông) sử dụng phà một lưới chở hành khách và ô tô;

c) Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động;

d) Thành phần hồ sơ quy định tại điểm a khoản này là bản chính hoặc biểu mẫu điện tử; thành phần hồ sơ quy định tại các điểm b, điểm c và điểm d khoản này là một trong các trường hợp sau: bản chính, bản sao có chứng thực, bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc, bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính, bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu. Số lượng 01 bộ.”.

2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy trình thực hiện tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;

b) Đối với trường hợp nộp qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, thì ban hành Quyết định phê duyệt quy trình vận hành khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và ô tô. Trường hợp không phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

d) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy.”.

Điều 21. Bổ sung mẫu, Phụ lục

Bổ sung Mẫu số 02 (mẫu Quyết định phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở người và xe ô tô) Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 22. Thay thế, bãi bỏ một số quy định, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 06 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô

1. Thay thế, bãi bỏ một số quy định:

a) Thay thế các cụm từ “Sở Giao thông vận tải” tại khoản 1 Điều 9, Điều 18, khoản 1 Điều 24 Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 06 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải bằng cụm từ “Sở Xây dựng”.

b) Thay thế các cụm từ “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” tại Điều 17 và

khoản 1 Điều 24 Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 06 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải bằng cụm từ “Cục Hàng hải và Đường thủy nội địa Việt Nam”.

c) Bãi bỏ Điều 11 Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 06 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải.

d) Bãi bỏ cụm từ “Chỉ đạo Thanh tra Sở thực hiện thanh tra” tại khoản 4 Điều 18 Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 06 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải.

đ) Bãi bỏ cụm từ “Chánh thanh tra Bộ” tại khoản 1 Điều 24 Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 06 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải.

2. Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 06 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải bằng Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Bãi bỏ Điều 27 và Điều 28 Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

Điều 24. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Cục Đường bộ Việt Nam
 - a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Thông tư này;
 - b) Thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ đã được phân cấp cho chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.
2. Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí nguồn lực, các điều kiện để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư này. Trường hợp phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thi hành báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng để kịp thời xử lý, tháo gỡ theo thẩm quyền;

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Thông tư này.

Điều 25. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đưa bến xe khách vào khai thác trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được giải quyết thì không phải điều chỉnh, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định tại Thông tư này. Các cơ quan có thẩm quyền tiếp tục giải quyết theo quy định tại Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Đối với các trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ thực hiện thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác; cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác; cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được giải quyết thì không phải điều chỉnh, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định tại Thông tư này. Các cơ quan có thẩm quyền tiếp tục giải quyết theo quy định tại Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Đối với các trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở khách và xe ô tô trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được giải quyết thì không phải điều chỉnh, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định tại Thông tư này. Các cơ quan có thẩm quyền tiếp tục giải quyết theo quy định tại Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, ĐBVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT -BXD ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị công bố bến xe khách đưa vào khai thác
Mẫu số 02	Giấy đề nghị công bố lại bến xe khách đưa vào khai thác

Mẫu số 01. Giấy đề nghị công bố bến xe khách đưa vào khai thác

..... (2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ **CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi:..... (1).....

- Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....
Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp
- Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
- Địa chỉ trụ sở:.....
- Số điện thoại:(nếu có); Email (nếu có);
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp ngày... tháng... năm.....
Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách..... (3)

Cụ thể như sau:

- Tên: (3).....
- Địa chỉ: (4).....
- Tổng diện tích đất: (5).....

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN 45:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị(1).... công bố Bến xe khách..... (3).... đạt quy chuẩn Bến xe loại:..... (6).... và được đưa vào khai thác..... (2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

6. Nhận kết quả bằng hình thức (7):

- + Nhận kết quả trực tiếp: ☐
- + Nhận kết quả trực tuyến ☐
- + Nhận kết quả qua hệ thống bưu chính: ☐

(Cơ quan, tổ chức có đơn đề nghị tự lựa chọn và đánh X vào phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

*** Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Xây dựng địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách.
- (3) Ghi tên bến xe khách.
- (4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách.
- (5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách.
- (6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố.
- (7) Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Ghi chú:

- Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mẫu số 02. Giấy đề nghị công bố lại bến xe khách đưa vào khai thác

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày... tháng.... năm....

GIẤY ĐỀ NGHỊ**CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:..... (1)

1. Đơn vị khai thác bến xe khách:..... (2):

Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

3. Địa chỉ trụ sở:.....

4. Số điện thoại:(nếu có); Email (nếu có);

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp ngày... tháng...năm....

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác...(3)..... Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số.... ngày.... tháng... năm... của...(1)..... Thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng.... năm....

Sau khi xem xét các quy định tại Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác; QCVN 45:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị.... (1)..... tiếp tục công bố đưa Bến xe khách.... (3).... đạt quy chuẩn Bến xe loại:..... (4):..... vào khai thác...(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

6. Nhận kết quả bằng hình thức (5):

+ Nhận kết quả trực tiếp:

☐

+ Nhận kết quả trực tuyến

☐

+ Nhận kết quả qua hệ thống bưu chính:

☐

(Cơ quan, tổ chức có đơn đề nghị tự lựa chọn và đánh X vào phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu...

Đại diện đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

*** Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Xây dựng địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách.
- (3) Ghi tên bến xe khách.
- (4) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố.
- (5) Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Ghi chú:

- Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

PHỤ LỤC II

CÁC MẪU BIỂU BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT -BXD ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 1	Mẫu báo cáo nhanh về các vị trí tắc đường do thiên tai và công tác khắc phục.
Mẫu số 2	Mẫu báo cáo tổng hợp các chỉ tiêu chính thiệt hại do thiên tai đối với đường bộ
Mẫu số 3	Mẫu biểu tổng hợp kinh phí thực hiện để khắc phục hậu quả thiệt hại do thiên tai gây ra trong 01 đợt thiên tai, trong tháng, quý, năm.
Mẫu số 4	Danh mục công trình khắc phục hậu quả thiên tai để bảo đảm giao thông theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT.
Mẫu số 5	Danh mục các công trình xây dựng theo Lệnh xây dựng khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

Mẫu số 1: Báo cáo nhanh các vị trí tắc đường do thiên tai trên đường bộ

I. BÁO CÁO NHANH CÁC VỊ TRÍ TẮC TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC LỘ VÀ CAO TỐC

Cơ quan báo cáo:

Thời điểm báo cáo:

1. Thông tin chung về tình hình tắc đường quốc lộ, đường cao tốc:

1.1 – Tổng số:

a) Tổng số vị trí hiện đang bị tắc vị trí.

b) Số vị trí tắc đường tăng (+) hoặc giảm (-) so với báo cáo gần nhất vị trí.

1.2- Tình hình tắc đường quốc lộ, cao tốc do Trung ương quản lý (kể cả đường giao doanh nghiệp đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành khai thác)

TT	Quốc lộ, đường cao tốc	Tình hình tắc đường						Số vị trí đã thông tuyến so với báo cáo gần nhất
		Tổng số vị trí còn tắc	Tắc do lũ, ngập lụt, nước dâng	Tắc do sạt lở ta luy dương	Tắc do sạt lở nền đường xuống ta luy âm,	Tắc do hư hỏng, sập đổ, trôi cầu, cống	Tắc do dừng khai thác phà và các nguyên	

					đút đường		nhân khác	
	I. Địa bàn Khu QLĐB I							
	I.1- Đường sử dụng ngân sách							
1	QL ..							
2	QL ...							
	...							
	Cộng (A)							
	I.2- Đường do doanh nghiệp được Nhà nước giao đầu tư xây dựng, quản lý khai thác							
1	Đường cao tốc ..							
2	QL ...							
	...							
	Cộng (B)							
	Tổng cộng A và B							
	Địa bàn các Khu QLĐB II, III và IV							
	Thực hiện tương tự địa bàn Khu QLĐB I							
	Tổng số							

1.3- Các tuyến đường cao tốc, quốc lộ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, gồm cả các tuyến đường bộ đầu tư theo hình thức PPP và đường cao tốc:

TT	Quốc lộ, đường cao tốc	Tình hình tắc đường						Số vị trí đã thông tuyến so với báo cáo gần nhất
		Tổng số vị trí còn tắc	Tắc do lũ, ngập lụt, nước dâng	Tắc do sạt lở ta luy dương	Tắc do sạt lở nền đường xuống ta luy âm, đứt đường	Tắc do hư hỏng, sập đổ, trôi cầu, cống	Tắc do dừng khai thác phà và các nguyên nhân khác	
1	Tỉnh A							
1.1	<i>Đường sử dụng ngân sách Nhà nước quản lý</i>							
	- Đường							
	- Đường							
	...							
	Cộng (1.1)							
1.2	<i>Đường do doanh nghiệp được Nhà nước giao đầu tư xây dựng, quản lý khai thác</i>							
	- Đường cao tốc ..							
	- QL ...							
	...							
	Cộng (1.2)							
	Tổng cộng số vị trí tắc đường tại							

	tỉnh, thành phố...							
n	Tỉnh Y							
	Báo cáo như đã thực hiện đối với Tỉnh A							
	Tổng số							

2. Bảng kê vị trí, tuyến đường bị tắc theo địa bàn

TT	Tỉnh, TP	Tuyến đường	Vị trí đang tắc	Nguyên nhân (*)	Tóm tắt công tác bảo đảm giao thông, phân luồng giao thông, công tác khắc phục (**)
1	Tỉnh A				
2	Tỉnh B				
3	Tỉnh C	QL.N	01 vị trí Km 10	Ngập sâu	- Hiện nay nước ngập 0,5m và chảy xiết. Đơn vị đã tổ chức cấm biển tạm dừng khai thác, cử người chốt trực hướng dẫn người tham gia giao thông đi theo tuyến X, tuyến Y. - Tạm thời phân luồng sang tuyến đường X, đường Y... - Dự kiến đến ... thì thông xe.
			3 vị trí Km 15; Km 20 và Km 25	Sạt lở ta luy dương	- Hiện nay đất đá sạt lên trên mặt đường, gây tắc giao thông. Đơn vị đang đào xúc, hốt sạt và đã tổ chức cấm biển tạm dừng khai thác, cử người chốt trực hướng dẫn người tham gia giao thông đi theo tuyến X, tuyến Y. - Dự kiến đến ... thì thông xe. - Tạm thời phân luồng sang tuyến đường X, đường Y...
			02 vị trí Km 30 và Km 35	Sạt lở ta luy âm	- Hiện nay nền, mặt đường lún sụt xuống ta luy âm, gây tắc giao thông. Đơn vị đang lắp dựng kê rọ thép, làm lại nền, mặt đường; đồng thời đã tổ chức cấm biển tạm dừng khai thác, cử người chốt trực hướng dẫn người tham gia giao thông đi theo tuyến X, tuyến Y. - Dự kiến đến ... thì thông xe. - Tạm thời phân luồng sang tuyến đường X, đường Y...

			01 vị trí tại Km 40	Cầu phao không bảo đảm an toàn khai thác	- Hiện nay V nước quá quy định. Đơn vị đã tổ chức cấm biển tạm dừng khai thác, cử người chốt trực hướng dẫn người tham gia giao thông đi theo tuyến X, tuyến Y. - Tạm thời phân luồng sang tuyến đường X, đường Y... - Dự kiến đến ... thì thông xe.
4	Tỉnh ...				
	Tổng cộng: vị trí (*)				

(*) Chỉ ghi các nguyên nhân chính: ngập nước (do lũ, lụt, nước dâng, ngập đường tràn); sạt lở đất đá trên ta luy dương; lún, sụt nền mặt đường xuống ta luy âm, đứt đường; hư hỏng, trôi cầu, cống; các nguyên nhân khác. Trường hợp 1 tỉnh có tắc đường cả 4 nhóm nguyên nhân này thì ghi số điểm tắc theo từng nhóm nguyên nhân, mỗi nhóm 1 hàng.

(**) Ghi tóm tắt công tác đang triển khai khắc phục và công tác phân luồng giao thông

Ví dụ Tỉnh C trên quốc lộ N tắc 01 vị trí do ngập sâu, 03 vị trí sạt ta luy dương, 1 điểm sụt cống, 2 điểm sạt lở ta luy âm, 01 vị trí cầu phao hỏng. Đồng thời đang khắc phục và bảo đảm giao thông thì ghi như sau:

3. Bảng thống kê danh sách các vị trí đã thông tuyến (thời điểm từ giờ ... đến ... giờ ngày ... tháng ... năm ...)

TT	Tỉnh, TP	Tuyến đường	Vị trí đã thông tuyến	Trước đây tắc là do	Thuyết minh tóm tắt giải pháp, nguyên nhân đã thông tuyến
1	Tỉnh A				
2	Tỉnh B				
3	Tỉnh C	QL.N	01 vị trí Km 10	Ngập sâu	- Hiện nay nước đã rút cạn ngập 0,5m; - Giao thông trở lại bình thường
			Vị trí Km 15	Sạt lở ta luy dương	- Hiện nay đã họt dọn thông xe 1 lần; - Tạm thời thông xe 01 lần.

					- Dự kiến ... ngày X sẽ thông xe toàn bộ mặt đường
			01 vị trí tại Km 40	Cầu phao không bảo đảm an toàn khai thác	- Hiện nay nước sông đã bảo đảm an toàn khai thác, cầu phao đã hoạt động phục vụ giao thông bình thường.

II. BÁO CÁO NHANH CÁC VỊ TRÍ TẮC TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐƯỜNG KHÁC

Đối với đường tỉnh, đường xã và đường khác việc báo cáo về tình hình tắc đường do hậu quả thiên tai tương tự Mục I báo cáo nhanh các vị trí tắc trên các tuyến đường quốc lộ, đường cao tốc. Nhưng thay tên quốc lộ, cao tốc trong Mục I bằng đường tỉnh, đường xã, đường khác cho phù hợp; thay cụm từ ngữ “tỉnh, thành phố” bằng cụm từ “cấp xã”.

Mẫu số 2: Mẫu báo cáo tổng hợp các chỉ tiêu chính thiệt hại đối với đường bộ do thiên tai

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH THIẾT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA TỪ ... ĐẾN

Cơ quan báo cáo:

TT	MÃ	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	ĐƠN VỊ	Tổng	
				Số lượng	Ước thiệt hại (triệu đồng)
		THIỆT HẠI VỀ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ	triệu đồng	x	
A		Đường quốc lộ, đường cao tốc do Trung ương quản lý	Triệu	X	
1		Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m		x
2		Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại	m ³		
3		Cầu, cống bị hư hỏng	cái		
4		Các thiệt hại khác	Triệu	x	
B		Đường quốc lộ do địa phương quản lý	Triệu	X	
1		Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m		x
2		Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại	m ³		
3		Cầu, cống bị hư hỏng	cái		
4		Các thiệt hại khác	Triệu	x	
C		Đường tỉnh, đường xã, đường khác do địa phương quản lý	Triệu	X	
1		Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m		x
2		Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại	m ³		
3		Cầu, cống bị hư hỏng	cái		
4		Các thiệt hại khác	Triệu	x	
D		Đường đầu tư theo hình thức PPP, đường giao Doanh nghiệp nhà nước đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác	Triệu	X	

1		Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m		x
2		Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại	m ³		
3		Cầu, cống bị hư hỏng	cái		
4		Các thiệt hại khác	Triệu	x	
		TỔNG (A+B+C+D)	triệu đồng	x	

Ghi chú:

(x) Các ô đánh dấu (X) thì bỏ qua không ước giá trị thiệt hại bằng tiền, hoặc số lượng.

Mẫu số 3: Tổng hợp kinh phí thực hiện để khắc phục hậu quả thiệt hại do thiên tai gây ra trong 01 đợt thiên tai, trong tháng, quý, năm

TT	Kinh phí thực hiện từng loại công việc phòng, chống thiên tai	Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai đối với KCHTĐB đang khai thác (triệu đồng)		Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai trong dự án sửa chữa bảo trì (triệu đồng)		Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai trong các dự án đầu tư xây dựng công trình (triệu đồng)	
		Năm N	Năm N+1	Năm N	Năm N+1	Năm N	Năm N+1
	Tổng cộng (triệu đồng)						
1	Kinh phí để khắc phục hậu quả thiên tai để bảo đảm giao thông theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 1 Điều 15 Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT			X	X	X	X
2	Kinh phí để xây dựng công trình theo Lệnh xây dựng khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.			X	X	X	X
3	Kinh phí để thực hiện liên quan đến cứu nạn, cứu trợ theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai						
4	Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai trong các dự án sửa chữa KCHT đường bộ, máy móc, thiết bị phục vụ vận hành khai thác KCHTĐB bị hư hỏng, thiệt hại do thiên tai.	X	X			X	X
5	Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai phát sinh trong dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ	X	X	X	X		
6	Kinh phí để bổ sung vật tư dự phòng, máy móc thiết bị dự phòng (nếu cần) cho công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và các			X	X	X	X

	công việc cần thiết khác để bảo đảm giao thông, khôi phục các hạ tầng thiết yếu.						
7	Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai gây ra đối với trụ sở cơ quan, đơn vị và nhà làm việc và các công trình dân dụng khác.						

Ghi chú: Ô có đánh dấu “X” thì không ghi số tiền.

Mẫu số 4: Danh mục công trình khắc phục hậu quả thiên tai để bảo đảm giao thông theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT.

TT	Tên công trình	Quyết định số, ngày, tháng, năm phê duyệt duyệt hồ sơ hoàn thành công trình	Thiên tai		Thiệt hại chính cần phải khắc phục để bảo đảm giao thông	Thời gian hoàn thành (hoặc dự kiến hoàn thành)	Kinh phí đề xuất hỗ trợ (triệu đồng)	
			Loại thiên tai	Thời gian xảy ra			Năm N	Năm N +1
1								
2								
3								

Mẫu số 5: Danh mục các công trình xây dựng theo Lệnh xây dựng khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

TT	Tên công trình	Quyết định số, ngày, tháng, năm công bố tình huống khẩn cấp do thiên tai; Quyết định số, ngày, tháng, năm ban hành Lệnh XDCT khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai	Thiên tai		Thiệt hại chính cần phải khắc phục, giải pháp thiết kế chính XDCT theo Lệnh XDCT khẩn cấp.	Thời gian hoàn thành (hoặc dự kiến hoàn thành)	Kinh phí đề xuất hỗ trợ (triệu đồng)	
			Loại thiên tai	Thời gian xảy ra			Năm N	Năm N +1
1	Ví dụ: Dự án XDCT khẩn cấp tường chắn BTCT theo Lệnh XDCT khẩn cấp	1. Quyết định công bố tình huống khẩn cấp do thiên tai số /QĐ-BXD ngày; 2. Quyết định số, ngày, tháng, năm của ... về việc ban hành Lệnh XDCT khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai ...	Mưa lũ lớn, đặc biệt lớn, gây sạt lở ta luy âm nền đường từ Km ... Km, QL...	15/11 đến 25/11/2025	Sụt lún nền mặt đường xuống ta luy âm, xói lở thành hàm ếch dưới mặt đường, thắt hẹp mặt đường dẫn đến không bảo đảm AT cho khai thác, sử dụng, không bảo đảm TTATGT. Thiết kế tường chắn bằng rọ thép, xếp đá học, đắp bù nền đường, làm lại mặt đường, báo hiệu đường bộ và hộ lan ATGT	Dự kiến 31/01/2026	0,1	2,5
2								
3								

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT -BXD ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác
Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác
Mẫu số 04	Nhu cầu / kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ
Mẫu số 05	Quy định về tiêu chí giám sát, nghiệm thu, phương pháp đánh giá, khấu trừ kinh phí hoạt động bảo dưỡng thường xuyên công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện

Mẫu số 01. Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... (2)

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG QUỐC LỘ ĐANG KHAI THÁC

Về việc đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào ... (3)

Kính gửi: (4)

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Nghị định số /202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 20... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và Thông tư số /2025/TT-BXD ngày tháng ... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung ...;

Căn cứ ... (5);

..... (6) đề nghị (4) chấp thuận thiết kế của nút giao đầu nối vào ... (3) gửi kèm theo văn bản đề nghị này.

..... (6) cam kết thực hiện đúng văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối và quy định của pháp luật

Tài liệu kèm theo đơn đề nghị là 01 bộ hồ sơ (7).

Địa chỉ liên hệ:.....

+ Số điện thoại:(nếu có); Email (nếu có);

+ Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp:

Đề nghị phương thức nhận kết quả như sau:

+ Nhận kết quả trực tiếp: ☐

+ Nhận kết quả trực tuyến ☐

+ Nhận kết quả qua hệ thống bưu chính: ☐

(Cơ quan, tổ chức, cá nhân có đơn đề nghị tự lựa chọn và đánh X vào phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

..... (8)

Nơi nhận:

-;
-;
-

Hướng dẫn nội dung ghi trong đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác:

- (1) Ghi cơ quan cấp trên nếu có, sau đó ghi tên chủ đầu tư (tổ chức, cá nhân) đề nghị đầu nối. Trường hợp cá nhân đề nghị thì không phải ghi nội dung này.
- (2) Ghi số văn bản nếu có.
- (3) Ghi rõ vị trí đầu nối vào bên trái (hoặc bên phải) tại Km ... (ghi lý trình) của tuyến đường (ghi tên, số hiệu đường bộ).
- (4) Ghi tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối.
- (5) Văn bản chấp thuận vị trí nút giao đầu nối theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT (trừ trường hợp vị trí đầu nối nằm trong quy hoạch quy định không phải chấp thuận nút giao đầu nối theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ) và văn bản xác định chủ đầu tư quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT.
- (6) Ghi tổ chức, cá nhân ký đơn đề nghị.
- (7) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT và Điều 10 Thông tư số /2025/TT-BXD ngày tháng ... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đường bộ.
- (8) Cơ quan, tổ chức, cá nhân (6) ký đơn, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có.

Mẫu số 02. Đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... (2)

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO...
Về đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào (3)

Kính gửi: (4)

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Nghị định số .../202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 20... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và Thông tư số /2025/TT-BXD ngày tháng ... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung ...;

Căn cứ văn bản số ... về việc chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối ... (5)

..... (6) đề nghị (4) cấp phép thi công nút giao đầu nối vào... (3) trong thời gian thi công từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm ...;

..... (6) cam kết thi công theo đúng Giấy phép thi công và quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:.....

+ Số điện thoại:(nếu có); Email (nếu có);

+ Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp:

Đề nghị phương thức nhận kết quả như sau:

+ Nhận kết quả trực tiếp: ☐

+ Nhận kết quả trực tuyến ☐

+ Nhận kết quả qua hệ thống bưu chính: ☐

(Cơ quan, tổ chức, cá nhân có đơn đề nghị tự lựa chọn và đánh X vào phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Nơi nhận:

..... (6)

-

-

-

Hướng dẫn nội dung ghi trong đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác:

(1) Ghi cơ quan cấp trên nếu có, sau đó ghi tên tổ chức đề nghị cấp phép. Trường hợp cá nhân đề nghị thì không phải ghi nội dung này.

(2) Ghi số văn bản nếu có.

(3) Ghi rõ đầu nối vào bên trái/hoặc bên phải tuyến Km ... (ghi lý trình) của tuyến đường (ghi tên, số hiệu đường bộ).

(4) Ghi tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút giao vào quốc lộ đang khai thác.

(5) Ghi văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối của cơ quan....) về việc chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào ... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km ... (ghi lý trình) của tuyến đường (ghi tên, số hiệu đường bộ).....;

Ghi các văn bản/quyết định phê duyệt vị trí nút giao đầu nối, trừ trường hợp vị trí đầu nối không phải chấp thuận theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ; dự án đầu tư xây dựng có nút giao đầu nối, văn bản giao chủ đầu tư xây dựng nút giao đầu nối).

(6) Ghi tổ chức, cá nhân ký đơn đề nghị cấp phép thi công đầu nối.

Mẫu số 03. Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ
ĐANG KHAI THÁC
Về đề nghị (...3...)**

Kính gửi:(...4...)

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Nghị định số .../202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 20... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và Thông tư số /2025/TT-BXD ngày tháng ... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung ...;

Căn cứ khác có liên quan;

- Căn cứ (5);

(2) đề nghị được cấp phép thi công (6) tại (7). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày...tháng... năm... đến hết ngày...tháng... năm...

(2) cam kết thực hiện các nội dung sau đây:

- Tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo công trình.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

- Thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã được (8) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Trường hợp thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (2) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:.....

+ Số điện thoại:(nếu có); Email (nếu có);

+ Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp:

Đề nghị phương thức nhận kết quả như sau:

+ Nhận kết quả trực tiếp: ☐

+ Nhận kết quả trực tuyến ☐

+ Nhận kết quả qua hệ thống bưu chính: ☐

(Cơ quan, tổ chức, cá nhân có đơn đề nghị tự lựa chọn và đánh X vào phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu VT.

(.....2.....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI
KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi:

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình trên đường bộ.
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, tên đường bộ, tên địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của Quốc lộ 39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
- (4) Tên cơ quan cấp phép thi công.
- (5) Văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước (biển quảng cáo/biển thông tin cổ động/ tuyên truyền chính trị/công trình hạ tầng, xây dựng/lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ (kèm theo hồ sơ được chấp thuận) của cơ quan có thẩm quyền (4).
- (6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.
- (7) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.
- (8) Chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực phê duyệt thiết kế).

Mẫu số 04. Nhu cầu/kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ**CƠ QUAN LẬP/ PHÊ DUYỆT
NHU CẦU/KẾ HOẠCH****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số

Hà Nội, ngày tháng năm

**NHU CẦU/KẾ HOẠCH BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ DO... (GHI TÊN
CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ) ĐANG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC****NGUỒN VỐN NĂM...**

Đơn vị được giao tổ chức thực hiện kế hoạch

TT	Công trình, hạng mục công trình	Quy mô, giải pháp và khối lượng/công việc chủ yếu	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện (Năm)	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG SỐ						
I	Quản lý, vận hành, bảo dưỡng						
II	Sửa chữa định kỳ						
II.1	Công trình chuyển tiếp						
II.2	Công trình mới						
III	Sửa chữa đột xuất						
IV	Công tác khác						
	CHI TIẾT						
I	Quản lý, vận hành, bảo dưỡng						
1	Tên quốc lộ, đoạn quốc lộ						
1.1	Quản lý, vận hành, bảo dưỡng đường						
1.2	Quản lý, vận hành, bảo dưỡng cầu						

							
II	Sửa chữa định kỳ						
1	Tên quốc lộ						
	Công trình chuyển tiếp						
	Công trình mới						
							
III	Sửa chữa đột xuất						
1	Tên quốc lộ						
							
IV	Công tác khác						
							

1. Cột (7) phân loại mức độ ưu tiên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư này và chỉ áp dụng đối với nhu cầu bảo trì công trình đường bộ.

2. Cột (4) kinh phí thực hiện: đối với danh mục, công trình chuyển tiếp lấy theo kinh phí còn lại của danh mục; đối với danh mục, công trình mới được xác định như sau:

2.1. Đối với nhu cầu bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

a) Kinh phí quản lý, vận hành, bảo dưỡng: căn cứ khối lượng công việc cần bảo dưỡng; định mức công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng; chi phí quản lý, vận hành, bảo dưỡng của danh mục, công trình tương tự; các quy định lập, quản lý chi phí xây dựng công trình và quy định lập, quản lý chi phí bảo trì của cơ quan thẩm quyền. Kinh phí quản lý, vận hành, bảo dưỡng bao gồm cả chi trả tiền tiêu thụ điện, chi phí bảo dưỡng cho các hệ thống chiếu sáng;

b) Kinh phí sửa chữa định kỳ: căn cứ khối lượng cần thực hiện dự kiến, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan thẩm quyền ban hành; quy định về lập, quản lý chi phí xây dựng của cơ quan có thẩm quyền; hoặc ước tính theo suất đầu tư các công trình tương tự để xác định; hoặc lấy theo đơn giá, giá dịch vụ, dự toán năm trước liền kề (trường hợp được giao nhiệm vụ, đặt hàng), đấu thầu năm liền kề trước (trường hợp đấu thầu) và dự kiến biến động các yếu tố chi phí đầu vào.

c) Kinh phí sửa chữa đột xuất: căn cứ suất đầu tư sửa chữa công trình tương tự; dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Kinh phí sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất bao gồm cả chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, rà phá, xử lý, tiêu hủy bom, mìn, vật liệu nổ khi cần thu hồi đất khi cần thiết để xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, bổ sung đường cứu nạn và các hạng mục an toàn giao thông;

đ) Kinh phí công tác khác: căn cứ khối lượng cần thực hiện phù hợp quy định hiện hành về nguồn vốn bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi do cơ quan có thẩm quyền ban hành; quy định về lập, quản lý chi phí xây dựng của cơ quan thẩm quyền đề xác định; hoặc hướng dẫn xác định chi phí bảo trì do cơ quan có thẩm quyền công bố để xác định; kinh phí công tác khác theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

2.2. Đối với kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

a) Kinh phí quản lý, vận hành, bảo dưỡng: căn cứ giá trị hợp đồng hoặc dự toán được duyệt; từ khối lượng công việc và định mức, đơn giá được cấp có thẩm quyền ban hành; trường hợp chưa có thì lấy theo đơn giá, giá dịch vụ, dự toán năm trước liền kề (trường hợp được giao nhiệm vụ, đặt hàng), đấu thầu năm liền kề trước (trường hợp đấu thầu) và dự kiến biến động các yếu tố chi phí đầu vào.

Đối với công trình trong giai đoạn bảo hành, công tác bảo dưỡng thường xuyên không được tính chi phí sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng do lỗi và thuộc trách nhiệm bảo hành của nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị. Trong thời gian thực hiện dự án sửa chữa công trình, không tính chi phí bảo dưỡng thường xuyên nếu các công việc này đã có trong công tác sửa chữa hoặc không cần bảo dưỡng trong thời gian thực hiện sửa chữa.

b) Kinh phí sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất: căn cứ kinh phí cho phép chuẩn bị đầu tư đối với công trình mới (là công trình mới cho phép chuẩn bị đầu tư trong năm kế hoạch); kinh phí công trình được duyệt và kinh phí đã bố trí lũy kế đến năm xây dựng kế hoạch đối với công trình chuyển tiếp (là công trình thuộc năm trước kế hoạch kéo dài sang năm kế hoạch).

c) Kinh phí công tác khác: căn cứ dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt để xác định.

3. Tài liệu kèm theo khi trình nhu cầu, kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm:

3.1. Đối với nhu cầu bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

a) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ năm trước liền kề và đề xuất nhu cầu quản lý, bảo trì năm kế hoạch của các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý công trình; trong đó bao gồm: thuyết minh giải pháp và khối lượng sửa chữa chủ yếu (đối với dự án sửa chữa), kinh phí thực hiện dự kiến cho công trình đề xuất.

b) Bình đồ duỗi thẳng về tình hình sửa chữa bảo trì trên quốc lộ trong vòng 05 năm (từ thời điểm xây dựng kế hoạch) và danh mục đề xuất sửa chữa năm tiếp theo (bình đồ thể hiện rõ về lý trình, phạm vi, quy mô, giải pháp, thời gian sửa chữa...). Trường hợp đề xuất sửa chữa trước thời hạn sửa chữa định kỳ, các chủ thể liên quan quá trình vận hành khai thác bảo trì công trình đường bộ phải tổ chức kiểm tra, đánh giá và kiểm định (nếu cần) để xác định nguyên nhân, bổ sung thuyết minh cơ sở đề xuất sửa chữa.

c) Hình ảnh hiện trạng hư hỏng công trình đề xuất sửa chữa (thể hiện rõ tên quốc lộ, lý trình các hạng mục sửa chữa: cầu, đường, cống...).

d) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật) công trình sửa chữa, dự toán chi năm trước năm xây dựng kế hoạch đối với công trình sửa chữa chuyển tiếp. Hợp đồng thực hiện quản lý, vận hành, bảo dưỡng hoặc quyết định duyệt dự toán quản lý, vận hành, bảo dưỡng; văn bản, quyết định duyệt giá các công việc liên quan đến bảo trì công trình năm trước liền kề.

3.2. Đối với kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

a) Báo cáo đề xuất kế hoạch của các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý công trình về kế hoạch quản lý, bảo trì năm.

b) Quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư/báo cáo kinh tế kỹ thuật.

c) Đối với dự án sửa chữa mặt đường, gia cố lề đường... có lý trình sửa chữa tổng thể trùng với lý trình sửa chữa công trình các năm trước: ngoài hồ sơ cung cấp tại điểm a khoản này, cần bổ sung thuyết minh, hồ sơ để làm rõ về việc không trùng với các vị trí đã sửa chữa trước đây.

d) Đối với công tác khác theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự toán kinh phí của cấp có thẩm quyền.

Mẫu số 05. Quy định về tiêu chí giám sát, nghiệm thu, phương pháp đánh giá, khấu trừ kinh phí hoạt động bảo dưỡng thường xuyên công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện

I. TIÊU CHÍ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THUỘC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ THEO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN PHỤC VỤ VIỆC GIÁM SÁT, NGHIỆM THU

A. Đối với đường bộ (trừ đường cao tốc)

1. Công tác quản lý đường bộ

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1.1	Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình	Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 6 Điều 11 Thông tư này và Mục 4.2.1 của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14182:2024 Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ (sau đây viết tắt là TCVN 14182:2024)	a) Có đủ các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của hợp đồng; thể hiện đầy đủ, chính xác các số liệu so với hiện trường và quy định; cập nhật, bổ sung những thay đổi của công trình vào hồ sơ, tài liệu. b) Lưu giữ, bảo quản có hệ thống, không mất, hư hỏng hồ sơ. Cung cấp hồ sơ, tài liệu kịp thời khi cơ quan quản lý đường bộ (cơ quan ký kết hợp đồng - Bên A) yêu cầu. c) Đối với việc quản lý cầu bằng phần mềm quản lý và các công việc khác đã quy định sử dụng phần mềm quản lý phải được cập nhật và lưu trữ thường xuyên trên phần mềm quản lý.	a) Các thay đổi công trình đường bộ phải được cập nhật không quá 15 ngày. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.
1.2	Công tác ghi chép kết quả bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường bộ và việc thực hiện tuần đường			
	1.2.1 – Công tác ghi chép kết quả bảo dưỡng	Việc ghi chép kết quả thực hiện bảo dưỡng phải được thực hiện sau khi hoàn thành các công tác bảo dưỡng, bao gồm: (1) Công tác cắt cỏ lề đường, cắt cây (ghi thời gian, đoạn	Yêu cầu về ghi chép kết quả bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường bộ 1.1. Tổ chức, cá nhân thực hiện bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường bộ có trách nhiệm ghi chép kết quả bảo dưỡng ngay sau khi hoàn thành công việc bảo dưỡng. Trường hợp công việc bảo dưỡng kéo dài nhiều ngày, thì việc ghi chép kết quả bảo dưỡng được thực hiện khi hoàn thành bảo	a) Đối với công việc hoàn thành trong ngày yêu cầu ghi kết quả thực hiện vào cuối ngày. b) Đối với các công việc kéo hơn 01 ngày: ghi chép kết quả bảo

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		đường thực hiện, kết quả chủ yếu); (2) Quét vệ sinh mặt đường; vá ổ gà, sửa mặt đường (ghi thời gian, đoạn đường thực hiện, kết quả chủ yếu); (3) Nạo vét đoạn rãnh (ghi đoạn rãnh và thời gian thực hiện, kết quả chủ yếu); (4) Sơn bổ sung báo hiệu đường bộ (ghi vị trí sơn bổ sung và kết quả chủ yếu); (5) Khơi thông cống, rãnh (ghi thời gian, kết quả chủ yếu); (6) Sửa chữa lề đường (ghi thời gian và đoạn tuyến thực hiện, kết quả chủ yếu); (7) Hót sứt (ghi thời gian, đoạn, vị trí và khối lượng, kết quả chủ yếu); (8) Bảo dưỡng báo hiệu đường bộ; (9) Công tác bảo dưỡng các hạng mục công trình khác ghi tương tự như các tiết (1) đến (8); (10) Đối với bảo dưỡng thiết bị, ghi lại thời gian và công việc thực hiện. Ví dụ: bảo dưỡng vệ sinh, bôi mỡ kết cấu	dưỡng một hoặc một số bộ phận, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng đường bộ, thiết bị phục vụ quản lý, vận hành, khai thác và thiết bị lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ. Nội dung ghi chép kết quả bảo dưỡng, bao gồm: a) Công trình, hạng mục công trình, thiết bị được bảo dưỡng; b) Công việc bảo dưỡng đã thực hiện; c) Thời gian bắt đầu và kết thúc công việc bảo dưỡng; d) Tóm tắt quá trình thực hiện công việc bảo dưỡng; đ) Kết quả thực hiện bảo dưỡng; e) Nhận xét về tình trạng công trình kết cấu hạ tầng, thiết bị, công nghệ sau khi bảo dưỡng và các thông tin cần thiết khác.	dưỡng vào ngày cuối hoàn thành.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		thép, gổ cầu thép; bảo dưỡng máy tính; bảo dưỡng thiết bị điện và các thiết bị khác.		
	1.2.2- Việc thực hiện tuần đường	Thực hiện theo Điều 19 Thông tư này và các nội dung Mục 4.2.8 của TCVN 14182:2024	a) Bố trí đủ lực lượng, phương tiện, thiết bị và trang phục phục vụ nhiệm vụ tuần đường, xử lý kịp thời các kiến nghị trong quá trình tuần đường, cập nhật kết quả tổ chức khắc phục hư hỏng, xuống cấp của công trình, bộ phận, hạng mục công trình, tham gia xử lý tai nạn, khắc phục bão lũ, bảo vệ công trình và hành lang an toàn đường bộ, báo cáo theo quy định. b) Sổ nhật ký tuần đường thể hiện đầy đủ kết quả hoạt động tuần đường, nhận xét, ý kiến xử lý của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 Thông tư này. c) Các quy định khác: - Phát hiện kịp thời tình trạng bất thường, sự cố của công trình đường bộ, các công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông và tai nạn, ùn tắc giao thông (chụp ảnh hiện trạng hư hỏng, tai nạn và báo cáo kịp thời). - Thống kê, nắm rõ số lượng, vị trí, tình trạng chi tiết của công trình đường bộ trong đoạn tuyến được giao; phát hiện hư hỏng, sự xâm hại công trình; xử lý hoặc báo cáo để có biện pháp xử lý. - Theo dõi tai nạn giao thông và xử lý theo quy định. - Phát hiện kịp thời, lập biên bản xác nhận hành vi vi phạm công tác quản lý, bảo vệ phạm vi đất của đường bộ, báo cáo Bên A xử lý theo quy định.	a) Cho phép thời gian khắc phục khi chưa đủ trang thiết bị phục vụ tuần đường là 01 tháng kể từ khi ký kết hợp đồng. b) Đối với các lỗi không đáp ứng còn lại: thời gian khắc phục tối đa không quá 01 ngày kể từ khi phát hiện.
1.3	Đếm xe	Thực hiện việc đếm xe theo Mục 4.2.5 của TCVN 14182:2024 hoặc ý kiến chỉ đạo của cơ	a) Phiếu đếm xe chi tiết thể hiện đầy đủ, chính xác kết quả đếm xe được phân loại theo yêu cầu của hợp đồng hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian đếm xe. Báo cáo tổng hợp kết quả	a) Ngày đếm xe được phép lùi (hoặc tiến) không quá 5 ngày so với quy định nếu trùng

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		quan quản lý đường bộ.	đếm xe của đợt đếm cụ thể từng ngày, số ca đếm trong ngày, số xe được phân loại cụ thể theo các chiều. b) Chế độ báo cáo, tổng hợp, lưu trữ và các nội dung khác thực hiện theo quy định do cơ quan có thẩm quyền ban hành, quy định trong hợp đồng bảo trì.	vào dịp Lễ, Tết hoặc sự kiện, sự cố ảnh hưởng làm thay đổi đột ngột lưu lượng. b) Công tác tổng hợp, lưu trữ và báo cáo kết quả đếm xe cho phép chậm không quá 10 ngày kể từ ngày phải đếm xe.
1.4	Công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ	Thực hiện các công việc quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, đất của đường bộ, công trình đường bộ và kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ và tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này; thực hiện quy định tại Mục 4.2.2 và Mục 4.3.3 của TCVN 14182:2024	a) Phát hiện, xử lý theo quy định, ngăn chặn kịp thời các vi phạm hành lang và kết cấu hạ tầng đường bộ. b) Phối hợp chặt chẽ với người quản lý, sử dụng đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ, chính quyền địa phương và công an trong công tác bảo dưỡng, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ. Cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả kiểm tra cột mốc giải phóng mặt bằng, mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ vào hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ. c) Tổng hợp, báo cáo kết quả xử lý vi phạm đầy đủ, đúng quy định.	15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.
1.5	Công tác bảo đảm an toàn giao thông	Theo dõi tình hình tai nạn giao thông, tham gia xử lý, báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư này và Mục 4.2.6, 4.2.7 của TCVN 14182:2024	a) Khi có tai nạn giao thông, phải thông báo ngay cho lực lượng chức năng, xử lý ùn tắc giao thông, tham gia hướng dẫn giao thông (nếu cần), tham gia cứu nạn cứu hộ, bảo vệ hiện trường. Phát hiện, phối hợp kịp thời với lực lượng chức năng lập biên bản xác nhận thiệt hại đối với các vụ tai nạn giao thông gây hư hỏng công trình đường bộ.	a) Đối với công tác báo cáo: cho phép chậm không quá 02 ngày theo quy định, nhưng trước khi nghiệm thu tháng phải báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			b) Phát hiện, theo dõi kịp thời các tồn tại trong tổ chức giao thông, điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ. c) Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.	b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.
1.6	Trực đảm bảo giao thông, xử lý khi có bão, lũ lụt, mưa, sạt lở	Trực đảm bảo giao thông khi có bão lụt, tổ chức đảm bảo giao thông theo quy định Mục 4.2.3 của TCVN 14182:2024; xử lý khi có bão, lũ lụt, mưa, sạt lở theo quy định tại Thông tư quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ	a) Trực đảm bảo giao thông khi có bão, lũ lụt, mưa lớn; nắm bắt tình hình thiệt hại; ghi chép đầy đủ diễn biến thời tiết, các hư hỏng công trình đường bộ được giao quản lý trong ca trực. b) Báo cáo ngay khi có sự cố, tham gia xử lý các sự cố, đảm bảo thông đường theo điều kiện hợp đồng, quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	a) Đối với công tác báo cáo: báo cáo Bên A ngay khi xảy ra sự cố. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của Bên A.
1.7	Kiểm tra, xử lý hư hỏng công trình kết cấu hạ tầng đường bộ	Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất, cập nhật và tổng hợp báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư này và Mục 4.2.9 của TCVN 14182:2024	a) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, dấu hiệu hư hỏng công trình đường bộ, thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ theo quy định hợp đồng. b) Trường hợp hư hỏng, xuống cấp nằm ngoài phạm vi hợp đồng, báo cáo kịp thời Bên A để có biện pháp sửa chữa, khắc phục. c) Báo cáo Bên A tình trạng kỹ thuật của các hạng mục công trình, các hiện tượng hư hỏng, xuống cấp của các hạng mục các công trình được giao quản lý theo yêu cầu của TCVN 14182:2024; lưu giữ đầy đủ các biên bản, phiếu kiểm tra. d) Cập nhật đầy đủ vào hồ sơ, tài liệu hoặc các phần mềm quản lý cầu, đường.	a) Việc cập nhật các thay đổi công trình đường bộ: không quá 15 ngày sau khi có thay đổi. b) Đối với các hư hỏng xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình: phát hiện, báo cáo không quá 01 ngày khi xảy ra sự cố. c) Đối với các nội dung còn lại: không quá 15 ngày.

2. Bảo dưỡng mặt đường

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
2.1	Mặt đường bê tông nhựa (BTN), láng nhựa			
2.1.1	Vá ổ gà (gồm cả vá mép mặt đường nứt vỡ)	Vá ổ gà theo quy định tại Mục 5.4.3.3 của TCVN 14182:2024.	a) Xử lý kịp thời các vị trí ổ gà ngay từ khi phát hiện. b) Các miếng vá phải cùng cao độ với mặt đường xung quanh với dung sai tối đa + 5 mm; những miếng vá có diện tích > 0,1 m² được vá theo hình chữ nhật, hình vuông; các cạnh miếng vá phải song song hoặc vuông góc với tim đường. c) Các miếng vá được vá bằng các vật liệu quy định trong các tiêu chuẩn kỹ thuật. Vật liệu vá phải tương đương hoặc tốt hơn so với vật liệu đã được sử dụng cho mặt đường xung quanh (mặt đường BTN phải được vá bằng BTN nóng, BTN ấm, hoặc BTN nguội; trên các tuyến đường cấp thấp tại những nơi khó khăn trong việc sản xuất, cung ứng các loại BTN, cho phép sử dụng vật liệu carboncor để vá. Mặt đường láng nhựa phải được vá bằng láng nhựa, các loại bê tông nhựa, carboncor, đá dăm đen). d) Mối nối giữa miếng vá với mặt đường xung quanh không được để khe hở rộng quá 03 mm.	Thời gian cho phép khắc phục trong vòng 03 ngày đối với tuyến đường cấp I, II, 05 ngày đối với các tuyến đường cấp III - VI kể từ khi xuất hiện.
2.1.2	Vết nứt dọc, nứt ngang đơn lẻ	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.5 của TCVN 14182:2024.	Trên mặt đường không có vết nứt có độ rộng trên 05 mm.	Khi xuất hiện vết nứt loại này thì thời gian cho phép sửa chữa trong vòng 07 ngày đối với mùa mưa, 14 ngày đối với mùa khô.
2.1.3	Xử lý nứt mai rùa và các dạng nứt dày đặc khác.	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.4 của TCVN 14182:2024.	Diện tích mặt bị nứt không được vượt quá 10% diện tích mặt đường tính cho 50 m dài đường bất kỳ.	Khi xuất hiện vết nứt loại này, thời gian cho phép sửa chữa trong vòng 07 ngày đối với mùa

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
				mưa, 14 ngày đối với mùa khô.
2.1.4	Xử lý lún lồi, đầy trời, dòn nhựa, lún vệt bánh xe, bong bật và bong tróc	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.6, 5.4.3.7, 5.4.3.8 của TCVN 14182:2024.	a) Không để tình trạng lún lồi quá 25 mm đối với đường bê tông nhựa, không quá 50 mm đối với đường láng nhựa. b) Các hư hỏng đầy trời, dòn nhựa không được hư hỏng mức độ M trở lên theo TCVN 14182:2024. c) Vật liệu vữa và các nội dung khác như đối với công tác vữa ổ gà tại Mục 2.1.1.	Các chỗ lún lồi vượt quá mức giới hạn phải được loại bỏ không quá 10 ngày (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
2.1.5	Sinh lún	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.10 của TCVN 14182:2024.	a) Không được để sinh lún phát triển thành rạn nứt lớn và không được để lún lồi quá 25 mm đối với đường bê tông nhựa, 50 mm đối với đường láng nhựa, thấm nhập nhựa. Đồng thời, không được quá 0,5% diện tích mặt đường rạn nứt và lún lồi nhỏ hơn các quy định trên. b) Yêu cầu mức độ đáp ứng khi xử lý sinh lún như đối với công tác vữa ổ gà tại Mục 2.1.1.	Các chỗ sinh lún phải được loại bỏ trong vòng 10 ngày (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
2.1.6	Vệ sinh mặt đường	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.1 của TCVN 14182:2024.	Mặt đường (bao gồm cả dải phân cách giữa) và lề đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch (không được có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác); không để đọng đất, cát trên mặt đường; dải phân cách không để bụi đất bám làm mất tác dụng của sơn báo hiệu; đáp ứng các yêu cầu sau:	
			a) Khắc phục các chướng ngại vật đe dọa tới công tác an toàn giao thông như: đất, đá, động vật chết, vật liệu.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			b) Khắc phục các vật liệu dễ cháy trên mặt đường như: nhiên liệu, dầu hoặc chất hóa học.	04 giờ kể từ khi phát hiện.
			c) Khắc phục các mảnh vỡ khác không đe dọa trực tiếp tới an toàn giao thông.	07 ngày kể từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
2.2.	Mặt đường bê tông xi măng			
2.2.1	Xử lý khe co, khe giãn và khe dọc	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.2, 5.4.2.3 của TCVN 14182:2024.	Các khe co, khe giãn, khe dọc không bị bong bật mất vật liệu chèn khe có mức độ hư hỏng M trở lên.	Phải xử lý trong vòng 07 ngày sau khi phát hiện (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
2.2.2	Xử lý vết nứt	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.4 ÷ 5.4.2.7 của TCVN 14182:2024.	Không để xuất hiện vết nứt có mức độ hư hỏng M trở lên.	Phải sửa chữa trong vòng 07 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 14 ngày (đối với mùa khô)
2.2.3	Vệ sinh mặt đường	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.1 của TCVN 14182:2024.	Mặt đường (bao gồm cả dải phân cách giữa) và lề đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch (không được có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác); không để đọng đất, cát trên mặt đường; dải phân cách không để bụi đất bám làm mất tác dụng của sơn báo hiệu; đáp ứng các yêu cầu sau:	
			a) Khắc phục chướng ngại vật đe dọa tới công tác an toàn giao thông như đất, đá, động vật chết, vật liệu bị đổ đi.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			b) Khắc phục các vật liệu dễ cháy trên mặt đường như nhiên liệu, dầu hoặc chất hóa học.	04 giờ kể từ khi phát hiện.
			c) Khắc phục các mảnh vỡ khác với không đe dọa trực tiếp tới an toàn giao thông.	07 ngày kể từ khi phát hiện.
2.3	Đường đá dăm, cấp phối tự nhiên			
2.3.1	Vá ổ gà, lún lõm cục bộ	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.4.2, 5.4.5.5 của TCVN 14182:2024.	Không có ổ gà, lún lõm cục bộ trên mặt đường đang khai thác. Trường hợp có ổ gà thì phải được vá sửa. Trường hợp gặp trời mưa liên tục hoặc vì lý do bất khả kháng cho	Thời gian cho phép khắc phục trong vòng 05 ngày sau khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			phép sửa chữa đảm bảo giao thông tạm bằng vật liệu khác nhưng sau đó phải thực hiện như yêu cầu.	
2.3.2	Xử lý lún lõm, gồ ghề	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.4.1 của TCVN 14182:2024..	Không được để các chỗ lún lõm, trồi lún quá 50 mm hoặc gây ảnh hưởng đến người tham gia giao thông, mặt đường còn nguyên mui lượn, không đọng nước.	Thời gian cho phép khắc phục trong vòng 10 ngày sau khi phát hiện (không tính các ngày trời mưa, mặt đường bị ngập không thi công được).
2.3.3	Sinh lún	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.5.6 của TCVN 14182:2024.	Không được để sinh lún phát triển thành rạn nứt lớn, lún lõm quá 50mm. Diện tích sinh lún không được quá 0,5% diện tích mặt đường.	Các chỗ sinh lún phải được loại bỏ trong vòng 10 ngày (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
2.3.4	Vệ sinh mặt đường	Tùy theo mức độ bẩn của mặt đường để bố trí số lần vệ sinh, tưới nước chống bụi vào những ngày hanh khô.	Mặt đường (bao gồm cả dải phân cách giữa) và lề đường không được có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác.	Khắc phục trong vòng 01 giờ nếu gây nguy hiểm mất an toàn giao thông; trong vòng 07 ngày đối với trường hợp còn lại.
2.3.5	Các nội dung khác	Khi có nước trên mặt đường phải tổ chức khơi thông nước, bổ sung kết cấu mặt bù vào các vị trí lún lõm; Tùy theo điều kiện nguồn vốn và quy định tại hợp đồng để bổ sung, điều chỉnh các nội dung phù hợp.	Không để mặt đường đọng nước.	Thời gian cho phép khắc phục không quá 24 giờ.

3. Hệ thống an toàn giao thông và hệ thống chiếu sáng

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
3.1	Biển báo	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.1 của TCVN 14182:2024.	Bảo quản đầy đủ biển báo từ khi nhận bàn giao; đảm bảo chất lượng, rõ ràng, không bị bẩn, chắc chắn, dễ nhận biết từ xa và phải quan sát được rõ cả ngày và đêm.	Đối với hư hỏng, mất phải sửa chữa thay thế trong vòng 01 ngày đối với biển báo cấm, biển hiệu lệnh; 03 ngày với các biển còn lại sau khi phát hiện.
3.2	Vạch sơn kẻ đường, gờ giảm tốc.	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.2 của TCVN 14182:2024.	Duy trì các vạch sơn khi nhận bàn giao, thường xuyên vệ sinh bảo đảm sáng rõ, không bị cát bụi lấp, dễ nhận biết; không bị mờ hoặc bong tróc.	Đối với những vạch sơn mặt đường hư hỏng cục bộ phải được sơn dặm trong vòng 28 ngày.
3.3	Cột Km, cọc H, cọc mốc giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ và cọc tiêu	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.12 của TCVN 14182:2024.	Đảm bảo dễ nhận biết, dễ đọc, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời.	Sửa chữa, thay thế trong vòng 07 ngày.
3.4	Tường hộ lan, tôn sóng	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.8 của TCVN 14182:2024.	a) Bảo quản đầy đủ tường hộ lan, tôn sóng từ khi nhận bàn giao. b) Đảm bảo dễ nhận biết, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng phải được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý, sử dụng đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày khi phát hiện.
3.5	Dải phân cách bằng trụ bê tông luồn ống thép, khung lưới thép, trụ dẻo	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.10 của TCVN 14182:2024.	Đảm bảo dễ nhận biết, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý, sử dụng đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày khi phát hiện.
3.6	Mắt phản quang, đỉnh phản quang, tấm	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.4, 5.12.5, 4.12.13 của TCVN 14182:2024.	Đảm bảo dễ nhận biết, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hỏng do tai nạn	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	chống chói, gương cầu lồi		giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý, sử dụng đường bộ.	
3.7	Dải phân cách giữa, đảo giao thông	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.6, 5.12.11 của TCVN 14182:2024.	Đảm bảo sạch, không nứt vỡ hư hỏng; cây cỏ không chườm lên mặt đường, không cho phép cành cây và cỏ chườm ra mặt ngoài hàng vỉa bê tông và không cao quá 1,2 m kể từ cao độ mặt nhựa (đối với cây) và cỏ không cao quá 0,2 m đối với dải phân cách.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 03 ngày khi phát hiện.
3.8	Đường cứu nạn (nếu có)	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.9 của TCVN 14182:2024.	Đường vào luôn thông thoáng, dễ nhận biết, không có vật cản, đảm bảo thoát nước, có đủ độ xốp, đủ ma sát theo thiết kế ban đầu.	Các vật cản trên mặt đường phải được xử lý trong vòng 12 giờ; các tồn tại khác phải khắc phục trong 01 ngày.
3.9	Hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông (nếu có)	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.7.1.3 của TCVN 14182:2024.	a) Bảo quản đầy đủ từ khi nhận bàn giao, đảm bảo thời lượng thấp sáng đúng quy định. Đèn tín hiệu giao thông luôn trong tình trạng hoạt động bình thường. b) Cột đèn cần đèn phải chắc chắn không nghiêng lệch, sạch, không bị rỉ sét, nứt vỡ.	a) Bóng đèn hỏng phải sửa chữa, thay thế trong vòng 02 ngày. b) Cột đèn, cần đèn bị hư hỏng phải được khắc phục hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày.

4. Nền đường, thoát nước và chăm sóc cây xanh

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
4.1	Taluy đắp và taluy đào	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.1.2, 5.1.3, 5.1.4 của TCVN 14182:2024.	Đảm bảo hình dạng ban đầu, không bị xói lở; đảm bảo độ chặt (đối với taluy đất); cụ thể: a) Khi có sạt lở nhỏ phải tổ chức xử lý bảo đảm an toàn giao thông. b) Các hư hỏng lớn vượt quá tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức bảo dưỡng thường xuyên do mưa bão, lở đất phải báo cáo kịp thời cho cơ quan được giao quản lý tài sản để được xem xét xử lý.	a) Phải hoàn tất sửa chữa trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện hư hỏng (mùa mưa), 03 ngày (mùa khô). b) Trường hợp sạt lở khối lượng nhỏ làm ách tắc giao thông phải khắc phục ngay để bảo đảm giao

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
				thông trong vòng 06 giờ. c) Hư hỏng lớn phải báo cáo ngay trong vòng 01 giờ.
4.2	Phát cây, cắt cỏ, tỉa cành	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.1.2.3, 5.1.2.4, 5.1.2.5 của TCVN 14182:2024.	a) Không che khuất cọc tiêu, biển báo, cột Km và ảnh hưởng đến thoát nước; không ảnh hưởng tầm nhìn. b) Đối với taluy dương trong phạm vi chiều cao $\leq 4,0$ m cây cỏ không được cao quá 0,2 m. c) Đối với taluy âm trong phạm vi 1,0 m từ vai đường trở ra và trong bụng đường cong cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2 m. d) Cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2 m và chồm ra mặt đường.	a) Cây cỏ phải được cắt, phát quang trong vòng 03 ngày khi phát hiện. b) Cây đổ ngang đường phải khắc phục để bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian 03 giờ kể từ khi phát hiện.
4.3	Lề đường	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.2 của TCVN 14182:2024.	a) Chênh lệch cao độ lề đường so với mép mặt đường không được vượt quá 50 mm. b) Lề đường có gia cố lớp mặt không bị biến dạng, xói lở ổ gà, vỡ mép. Phạm vi lề đường, đất của đường bộ phải thông thoáng, không có vật liệu, chất thải chất đọng.	Các hư hỏng của lề đường phải được khắc phục trong vòng 14 ngày sau khi được phát hiện.
4.4	Rãnh và các công trình thoát nước có gia cố (gạch, đá, bê tông xi măng)	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.3 của TCVN 14182:2024.	Phải đảm bảo thông thoáng, không được để đọng nước; các bộ phận được gia cố không bị hư hỏng, mất; không xói lở xung quanh kết cấu rãnh.	Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện đối với mùa mưa, 07 ngày đối với mùa khô. Hư hỏng lớn, mất phải được sửa chữa hoặc báo cáo trong vòng 14 ngày sau khi được phát hiện.
4.5	Rãnh và các công trình thoát nước bằng	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.3 của TCVN 14182:2024.	Phải sạch rác và bùn đất, không có vật gây cản trở dòng chảy, không bị hỏng, mất về kết cấu; xung quanh phải được lèn chặt bằng vật liệu thích hợp.	Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện đối với mùa mưa, 07

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	đất đá tự nhiên			ngày đối với mùa khô. Hư hỏng, sạt lở phải được sửa chữa trong vòng 07 ngày sau khi được phát hiện.
4.6	Hồ thu và cống	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.3 của TCVN 14182:2024.	Phải sạch rác và bùn đất, không có vật gây cản trở dòng chảy, không bị hỏng, mất về kết cấu; xung quanh phải được lèn chặt bằng vật liệu thích hợp.	Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 07 ngày (đối với mùa khô) Hư hỏng phải được sửa chữa trong vòng 14 ngày sau khi được phát hiện.
4.7	Hệ thống cây xanh	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.14 của TCVN 14182:2024.	a) Cây xanh, thảm cỏ luôn được phát quang, xén tỉa đảm bảo tầm nhìn, mỹ quan, không che khuất tầm nhìn, cọc tiêu, biển báo, cột Km, hộ lan, tường chắn và ảnh hưởng đến việc thoát nước. b) Đối với dải phân cách giữa, đảo giao thông không cho phép cành cây và cỏ chườm ra mặt ngoài hàng vỉa bê tông, cây cao không quá 1,3 m tính từ cao độ mặt vỉa.	Cây cỏ phải được cắt tỉa, phát quang, dọn dẹp trong vòng 03 ngày kể từ khi phát hiện chườm ra mặt đường làm che khuất tầm nhìn và gây cản trở giao thông. Khi có cây đổ ngang đường phải khắc phục để đảm bảo giao thông trong thời gian 03 giờ sau khi phát hiện.

5. Cầu và các công trình khác

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
5.1	Công trình có dầm, dàn thép	Thực hiện theo quy định tại Mục	a) Kết cấu sạch, không đọng nước. Các bộ phận kim loại của toàn bộ công trình phải được sơn	Khắc phục hư hỏng

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	và thép bê tông liên hợp	5.11.8.2 của TCVN 14182:2024.	hoặc nếu không phải được bảo vệ và không bị xói mòn, rỉ sét. b) Khi công trình bị hư hỏng đe dọa tới tính toàn vẹn kết cấu của công trình, nhà thầu phải thông báo ngay cho cấp có thẩm quyền; đồng thời phải có biện pháp cảnh báo cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến; cần thiết phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình và an toàn giao thông.	hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.
5.2	Công trình có dầm bê tông, đá xây	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.11.8.1 của TCVN 14182:2024.	a) Tình trạng công trình bình thường, vệ sinh sạch sẽ, không đọng nước, các hư hỏng nhỏ phải được sửa chữa hoặc theo dõi. b) Khi công trình bị hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn kết cấu của công trình, nhà thầu phải thông báo ngay cho cấp có thẩm quyền; đồng thời phải có biện pháp cảnh báo cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến. Cần thiết phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình và an toàn giao thông.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.
5.3	Khe co giãn cầu, gối cầu, móng trụ cầu	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.11.7, 5.11.9, 5.11.10 của TCVN 14182:2024.	a) Sạch đất cát, không bong tróc, mất bu lông và không biến dạng, hư hỏng, đảm bảo trong tình trạng tốt. Gối cầu thép phải được bôi mỡ. b) Đối với các hư hỏng, biến dạng của gối cầu, móng trụ cầu phải được phát hiện, báo cáo và theo dõi thường xuyên. c) Các nguyên nhân dẫn đến việc không đảm bảo yêu cầu phải được thực hiện trong thời gian 14 ngày sau khi nước rút.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng: a) 01 ngày từ khi phát hiện đối với khe co giãn. b) 05 ngày từ khi phát hiện với gối, móng, trụ cầu.
5.4	Mặt cầu, đường đầu cầu	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.11.1, 5.11.4 đến mục	a) Không có ổ gà, vệ sinh sạch, thoát nước tốt. Đảm bảo êm thuận phần tiếp giáp đầu cầu.	Khắc phục hư hỏng

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		5.11.6, 5.11.11 của TCVN 14182:2024.	b) Xử lý ổ gà, rạn nứt, trôi lún như quy định đối với mặt đường tương ứng tại điểm 2 Mục A của Phụ lục này. c) Có biển cảnh báo, giảm tốc độ phù hợp khi có hư hỏng trong thời gian chờ xử lý. d) Các chỗ lún lõm, ổ gà phải được xử lý đảm bảo giao thông ngay sau không quá 02 ngày phát hiện.	trong vòng 02 ngày từ khi phát hiện.
5.5	Kè dẫn hướng, các kết cấu phòng hộ	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.11.12 của TCVN 14182:2024.	Tình trạng công trình bình thường; không có hư hỏng, không có cây cối ảnh hưởng đến dòng chảy và kết cấu công trình. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.
5.6	Tường chắn, kè	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.5 của TCVN 14182:2024.	Tình trạng tường chắn bình thường; không có hư hỏng, không có cây cối ảnh hưởng đến dòng chảy và kết cấu công trình, đảm bảo thoát nước bình thường. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.
5.7	Đường tràn, đường ngầm	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.6 của TCVN 14182:2024.	Dễ nhận biết khi bị ngập do lũ lụt, không có hư hỏng; không bị ách tắc dòng chảy, đảm bảo an toàn giao thông. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.
5.8	Hầm đường bộ	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.7 của TCVN 14182:2024.	a) Đảm bảo mặt đường sạch, thoát nước và đảm bảo chiếu sáng đảm bảo an toàn giao thông. b) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, xử lý các hư hỏng nhỏ và theo dõi, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
				vòng 05 ngày từ khi phát hiện
5.9	Nhà Hát	Duy trì những đặc trưng kiến trúc, kỹ thuật, thiết bị công trình theo công năng, đảm bảo chất lượng của nhà Hát phù hợp với cấp công trình trong suốt quá trình sử dụng.	a) Vệ sinh sạch sẽ, vận hành, sử dụng nhà Hát đúng công năng. b) Kiểm tra nhà Hát thường xuyên bằng mắt và các phương tiện đơn giản để phát hiện kịp thời dấu hiệu xuống cấp, đồng thời tiến hành bảo dưỡng hoặc sửa chữa nhỏ và theo dõi, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý đối với các hư hỏng đột xuất, hoặc trường hợp hư hỏng có khả năng mất an toàn công trình. c) Đảm bảo không mất mát hư hỏng đất và tài sản, trang thiết bị trong nhà Hát.	Khắc phục hư hỏng nhỏ trong vòng 7 ngày từ khi phát hiện. Báo cáo sự cố trong vòng 2 ngày.
5.10	Bảo quản vật tư dự phòng	Bảo đảm không mất mát, hạn chế hư hỏng của vật tư dự phòng	a) Kiểm soát số lượng vật tư dự phòng theo quy định, báo cáo định kỳ, đột xuất đảm bảo đúng tiến độ. b) Vệ sinh sạch sẽ, sắp xếp gọn gàng, thuận tiện trong việc nhập, xuất vật tư dự phòng. c) Các loại vật tư dự phòng bằng kim loại phải được phải được sơn hoặc nếu không phải được bảo vệ để tránh rỉ sét, ăn mòn. d) Trường hợp vật tư dự phòng hết hạn sử dụng hoặc bị hư hỏng không còn khả năng sử dụng cần báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, sửa chữa, thanh lý theo quy định. e) Đáp ứng các yêu cầu khác theo Quy chế quản lý vật tư dự phòng.	Khắc phục hư hỏng nhỏ trong vòng 7 ngày từ khi phát hiện. Báo cáo sự cố trong vòng 2 ngày.

B. Đối với đường bộ cao tốc

1. Công tác quản lý công trình đường bộ

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1.1	Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình	Thực hiện đầy đủ theo các nội dung tại khoản 6 Điều 11 Thông tư này và Mục 4.1.1 của Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên công trình đường cao tốc TCCS 17:2016/TCĐBVN (sau đây viết tắt là TCCS 17:2016/TCĐBVN)	a) Có đủ các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của hợp đồng; thể hiện đầy đủ, chính xác các số liệu so với hiện trường và quy định; cập nhật, bổ sung những thay đổi của công trình vào hồ sơ, tài liệu. b) Lưu giữ, bảo quản có hệ thống, không mất, hư hỏng hồ sơ. Cung cấp hồ sơ, tài liệu kịp thời khi người quản lý, sử dụng đường bộ (cơ quan ký kết hợp đồng - Bên A) yêu cầu. c) Đối với việc quản lý cầu bằng phần mềm quản lý và các công việc khác đã quy định sử dụng phần mềm quản lý phải được cập nhật và lưu trữ thường xuyên trên phần mềm quản lý.	a) Các thay đổi công trình đường bộ phải được cập nhật không quá 15 ngày. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.
1.2	Công tác ghi chép kết quả bảo dưỡng công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ và việc thực hiện tuần đường			
	1.2.1-Công tác ghi chép kết quả bảo dưỡng	Việc ghi chép kết quả thực hiện bảo dưỡng phải được thực hiện sau khi hoàn thành các công tác bảo dưỡng, bao gồm: (1) Công tác cắt cỏ lề đường, cắt cây (ghi thời gian, đoạn đường thực hiện, kết quả chủ yếu); (2) Quét vệ sinh mặt đường; vá ổ gà, sửa mặt đường (ghi thời gian, đoạn đường; kết quả chủ yếu); (3) Nạo vét đoạn rãnh (ghi đoạn rãnh và thời gian thực hiện; kết quả chủ yếu); (4) Sơn bổ sung báo hiệu đường bộ (ghi vị trí	Yêu cầu về ghi chép kết quả bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường bộ 1.1. Tổ chức, cá nhân thực hiện bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường bộ có trách nhiệm ghi chép kết quả bảo dưỡng ngay sau khi hoàn thành công việc bảo dưỡng. Trường hợp công việc bảo dưỡng kéo dài nhiều ngày, thì việc ghi chép kết quả bảo dưỡng được thực hiện khi hoàn thành bảo dưỡng một hoặc một số bộ phận, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng đường bộ, thiết bị phục vụ quản lý, vận hành, khai thác và thiết bị lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ. Nội dung ghi chép kết quả bảo dưỡng, bao gồm: a) Công trình, hạng mục công trình, thiết bị được bảo dưỡng; b) Công việc bảo dưỡng đã thực hiện;	a) Đối với công việc hoàn thành trong ngày yêu cầu ghi kết quả thực hiện vào cuối ngày. b) Đối với các công việc kéo hơn 01 ngày: ghi chép kết quả bảo dưỡng vào ngày cuối hoàn thành.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		sơn bổ sung và kết quả chủ yếu); (5) Khơi thông cống, rãnh: ghi thời gian, kết quả chủ yếu); (6) Sửa chữa lề đường (ghi thời gian và đoạn tuyến thực hiện, kết quả chủ yếu); (7) Hót sứt (ghi thời gian, đoạn, vị trí và khối lượng, kết quả chủ yếu); (8) Bảo dưỡng báo hiệu đường bộ; (9) Công tác bảo dưỡng các hạng mục công trình khác ghi tương tự như các tiết (1) đến (8); (10) Đối với bảo dưỡng thiết bị, ghi lại thời gian và công việc thực hiện. Ví dụ: bảo dưỡng vệ sinh, bôi mỡ kết cấu thép, gối cầu thép; bảo dưỡng máy tính; bảo dưỡng thiết bị điện và các thiết bị khác.	c) Thời gian bắt đầu và kết thúc công việc bảo dưỡng; d) Tóm tắt quá trình thực hiện công việc bảo dưỡng; đ) Kết quả thực hiện bảo dưỡng; e) Nhận xét về tình trạng công trình kết cấu hạ tầng, thiết bị, công nghệ sau khi bảo dưỡng và các thông tin cần thiết khác.	
	1.2.2 - Công tác tuần đường	Thực hiện đầy đủ theo Điều 18 Thông tư này và các nội dung Tiêu chuẩn quản lý và khai thác đường cao tốc - Tuần đường và xử lý sự cố trên đường cao tốc TCCS 16:2016/TCĐBVN (sau đây viết tắt là TCCS 16:2016/TCĐBVN)	a) Lập kế hoạch tuần đường; bố trí đủ lực lượng, phương tiện, thiết bị và trang phục phục vụ nhiệm vụ tuần đường, xử lý kịp thời các kiến nghị trong quá trình tuần đường, cập nhật kết quả tổ chức khắc phục hư hỏng, xuống cấp của công trình, bộ phận, hạng mục công trình, tham gia xử lý tai nạn, khắc phục bão lũ, bảo vệ công trình và hành lang an toàn đường bộ, báo cáo theo quy định. b) Sổ nhật ký tuần đường thể hiện đầy đủ kết quả hoạt động tuần đường, nhận xét, ý kiến xử lý của nhà thầu BDTX.	a) Cho phép thời gian khắc phục trang thiết bị của nhân viên tuần đường là 01 tháng kể từ khi ký kết hợp đồng. b) Đối với các lỗi không đáp ứng còn lại: thời gian khắc phục tối đa không quá 01 ngày kể từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			c) Các quy định khác: - Phát hiện tình trạng bất thường, sự cố của công trình đường bộ, các công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông và tai nạn, ùn tắc giao thông (chụp ảnh hiện trạng hư hỏng, tai nạn và báo cáo kịp thời). - Thống kê, nắm rõ số lượng, vị trí, tình trạng chi tiết của công trình đường bộ trong đoạn tuyến được giao; phát hiện hư hỏng, sự xâm hại công trình; xử lý hoặc báo cáo để có biện pháp xử lý. - Theo dõi tai nạn giao thông và xử lý theo quy định. - Công tác quản lý, bảo vệ phạm vi đất của đường bộ: phát hiện kịp thời, lập biên bản xác nhận hành vi vi phạm, báo cáo Bên A xử lý theo quy định. - Theo dõi việc thi công công trình trên đường bộ đang khai thác, nhắc nhở nhà thầu thi công bảo đảm an toàn giao thông; nếu phát hiện các hành vi gây mất an toàn giao thông báo cáo ngay tuần kiểm viên để xử lý kịp thời.	
1.3	Đếm xe	Thực hiện theo các nội dung Mục 4.1.1.6 của Tiêu chuẩn TCCS 17:2016/TCĐBVN hoặc ý kiến chỉ đạo của cơ quan quản lý đường bộ.	a) Phiếu đếm xe chi tiết thể hiện đầy đủ, chính xác kết quả đếm xe được phân loại theo yêu cầu của hợp đồng hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian đếm xe. Báo cáo tổng hợp kết quả đếm xe của đợt đếm cụ thể từng ngày, số ca đếm trong ngày, số xe được phân loại cụ thể theo các chiều. b) Chế độ báo cáo, tổng hợp, lưu trữ và các nội dung khác thực hiện theo quy định tại các tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành, quy định trong hợp đồng BDTX.	a) Ngày đếm xe được phép lùi (hoặc tiến) không quá 05 ngày so với quy định nếu trùng vào dịp Lễ, Tết hoặc sự kiện, sự cố ảnh hưởng làm thay đổi đột ngột lưu lượng. b) Công tác tổng hợp, lưu trữ và báo cáo kết quả đếm xe cho phép chậm không quá 10 ngày kể từ ngày phải đếm xe.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1.4	Quản lý bảo vệ hành lang an toàn và công trình đường cao tốc	Thực hiện các công việc quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, đất của đường bộ, công trình đường bộ và kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ và tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này; quy định tại Mục 4.1.3 và Mục 4.1.3.3 TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Phát hiện, xử lý theo quy định, ngăn chặn kịp thời các vi phạm hành lang và kết cấu hạ tầng đường bộ. b) Phối hợp chặt chẽ với người quản lý, sử dụng đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ, chính quyền địa phương và công an trong công tác bảo dưỡng, vận hành khai thác công trình, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ. Cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả kiểm tra cột mốc giải phóng mặt bằng, mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ vào hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ. c) Tổng hợp, báo cáo kết quả xử lý vi phạm đầy đủ, đúng quy định.	15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.
1.5	Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, xử lý sự cố, tai nạn giao thông	Thực hiện báo cáo, xử lý theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 19 Thông tư này; Mục 5.2 của Tiêu chuẩn TCCS 16:2016/TCĐBVN.	a) Khi phát hiện tai nạn giao thông, báo cáo ngay các thông tin ban đầu; tổ chức sơ, cấp cứu ban đầu; bảo vệ hiện trường, tổ chức phân luồng giao thông. Phát hiện, phối hợp kịp thời với lực lượng chức năng lập biên bản xác nhận thiệt hại đối với các sự cố, vụ tai nạn giao thông gây hư hỏng công trình đường bộ. b) Phát hiện, theo dõi kịp thời các tồn tại trong tổ chức giao thông, điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ. c) Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.	a) Báo cáo ngay sau khi phát hiện tai nạn giao thông. b) Đối với công tác báo cáo khác: cho phép chậm không quá 02 ngày theo quy định nhưng trước khi nghiệm thu tháng phải báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông. c) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.
1.6	Trực đảm bảo giao thông; xử lý khi có bão, lũ lụt, mưa, sạt lở	Thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; theo quy định	a) Đảm bảo đầy đủ số người trực theo ca, vị trí theo quy định; ghi chép đầy đủ nội dung, diễn biến thời tiết, các hư hỏng công trình đường bộ được giao quản lý trong ca trực.	a) Các phương án, biện pháp tổ chức ứng phó phải được lập trong vòng 20 ngày kể từ khi ký hợp đồng.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		của quy trình vận hành, khai thác tuyến đường đã được phê duyệt.	b) Có phương án, biện pháp tổ chức ứng phó các sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. c) Báo cáo ngay khi có sự cố, tham gia xử lý các sự cố, đảm bảo thông đường theo điều kiện hợp đồng, quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	b) Đối với công tác báo cáo: báo cáo Bên A ngay khi xảy ra sự cố. c) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của Bên A.
1.7	Kiểm tra, xử lý hư hỏng công trình kết cấu hạ tầng đường bộ	Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư này và Mục 4.4 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, dấu hiệu hư hỏng công trình đường bộ, thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ xử lý theo quy định Hợp đồng. b) Trường hợp hư hỏng, xuống cấp nằm ngoài phạm vi hợp đồng thì báo cáo kịp thời cho Bên A để có biện pháp sửa chữa khắc phục. c) Báo cáo Bên A tình trạng kỹ thuật của các hạng mục công trình, các hiện tượng hư hỏng, xuống cấp của các hạng mục các công trình được giao quản lý theo yêu cầu của TCCS 17:2016/TCĐBVN; lưu giữ đầy đủ các biên bản, phiếu kiểm tra. d) Cập nhật đầy đủ vào hồ sơ, tài liệu hoặc các phần mềm quản lý cầu, đường.	a) Việc cập nhật các thay đổi công trình đường bộ: không quá 15 ngày sau khi có thay đổi. b) Đối với các hư hỏng xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình: phát hiện, báo cáo không quá 01 ngày khi xảy ra sự cố. c) Đối với các nội dung còn lại: không quá 10 ngày.

2. Bảo dưỡng mặt đường

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
2.1	Đường bê tông nhựa (BTN)			
2.1.1	Vá mặt đường bê tông nhựa (xử lý ổ gà, hố, nứt cục bộ, sụt lún)	Vá mặt đường BTN theo quy định tại Mục 5.1.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Xử lý kịp thời các vị trí hư hỏng ngay từ khi phát hiện. b) Các miếng vá phải cùng cao độ với mặt đường xung quanh với dung sai tối đa + 05 mm; những miếng vá có diện tích > 0,1 m² được vá theo hình chữ nhật, hình vuông; các cạnh miếng vá phải song song hoặc vuông góc với tim đường.	Thời gian cho phép khắc phục trong vòng 01 ngày sau khi xuất hiện đối với ổ gà; 05 ngày sau khi xuất hiện đối với các chỗ lún lõm.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			c) Các miếng vá được vá bằng các vật liệu quy định trong các tiêu chuẩn kỹ thuật. Vật liệu vá phải tương đương hoặc tốt hơn so với vật liệu đã được sử dụng cho mặt đường xung quanh (mặt đường bê tông nhựa (BTN) phải được vá bằng BTN nóng hoặc BTN ấm hoặc BTN nguội). d) Trong trường hợp khẩn cấp cho phép sử dụng các vật liệu thích hợp như carboncor, vật liệu làm đường có chất kết dính để vá nhằm đảm bảo giao thông. Khi đó nếu cần phải hạn chế tốc độ do chất lượng vị trí vá tạm không tương ứng với toàn tuyến. Trong vòng 15 ngày phải thay vị trí vá tạm bằng vật liệu tiêu chuẩn dành cho vá đường cao tốc. đ) Mỗi nối giữa miếng vá với mặt đường xung quanh không được để khe hở rộng quá 03 mm.	
2.1.2	Trám vá mặt đường bê tông nhựa (xử lý các vết nứt mặt đường)	Trám vá mặt đường BTN theo quy định tại Mục 5.1.3 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Trên mặt đường không có vết nứt có độ rộng trên 05 mm. b) Đối với nứt mai rùa: diện tích mặt đường bị nứt không được vượt quá 10% diện tích mặt đường tính cho 50 m dài đường bất kỳ.	Khi xuất hiện vết nứt, thời gian cho phép sửa chữa: a) Đối với chiều rộng vết nứt ≥ 05 mm phải vá lán trong vòng 03 ngày sau khi phát hiện. b) Đối với chiều rộng vết nứt < 05 mm phải sửa chữa trong vòng 05 ngày.
2.1.3	Vệ sinh mặt đường	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.1.1 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Mặt đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch (không có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác); không tồn tại đất, đá, cát, rác thải trên mặt đường, lề đường, đáp ứng các yêu cầu sau: a) Khắc phục các chướng ngại vật đe dọa tới công tác an toàn giao thông như: đất, đá, động vật chết, vật liệu bị đổ đi.	01 giờ kể từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			b) Khắc phục các vật liệu dễ cháy trên mặt đường như: nhiên liệu, dầu hoặc chất hóa học.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			c) Khắc phục các mảnh vỡ khác với không đe dọa trực tiếp tới an toàn giao thông.	03 ngày kể từ khi phát hiện.
2.2.	Mặt đường bê tông xi măng			
2.2.1	Xử lý khe co, khe giãn và khe dọc	Xử lý theo quy định tại Mục 5.2.2.2. 5.2.2.3 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Các khe co, khe giãn, khe dọc không bị bong bật mất vật liệu chèn khe có mức độ hư hỏng L trở lên theo TCVN 14182:2024.	Phải xử lý trong vòng 05 ngày sau khi phát hiện (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
2.2.2	Xử lý vết nứt	Xử lý theo quy định tại Mục 5.2.3 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Không để xuất hiện vết nứt có mức độ hư hỏng L trở lên theo TCVN 14182:2024.	Phải sửa chữa trong vòng 05 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 10 ngày (đối với mùa khô).
2.2.3	Vệ sinh mặt đường	Thực hiện theo quy định tại Mục 2.1.3 như đối với mặt đường bê tông nhựa.	Mặt đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch (không có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác); không tồn tại đất, đá, cát, rác thải trên mặt đường, lề đường, đáp ứng các yêu cầu sau:	
			a) Khắc phục chướng ngại vật đe dọa tới công tác an toàn giao thông như đất, đá, động vật chết, vật liệu bị đổ đi.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			b) Khắc phục các vật liệu dễ cháy trên mặt đường như nhiên liệu, dầu hoặc chất hóa học.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			c) Khắc phục các mảnh vỡ khác với không đe dọa trực tiếp tới an toàn giao thông.	03 ngày kể từ khi phát hiện.

3. Hệ thống an toàn giao thông và hệ thống chiếu sáng

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
3.1	Biển báo	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.1.1 và 10.1.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ biển báo từ khi nhận bàn giao; đảm bảo chất lượng, rõ ràng, không bị bẩn, chắc chắn, dễ nhận biết từ xa và phải quan sát được rõ cả ngày và đêm. b) Biển báo điện tử phải hiển thị đúng và đầy đủ thông tin, tỷ lệ đèn LED bị tắt trên 1 mặt biển báo phải đảm bảo bé hơn 1/4 tổng số đèn sáng.	Đối với hư hỏng, mất phải sửa chữa thay thế trong vòng 01 ngày đối với biển báo chỉ dẫn, nguy hiểm, biển hiệu lệnh; 03 ngày với các biển còn lại sau khi phát hiện.
3.2	Vạch sơn kẻ đường, gờ giảm tốc	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.3, 10.4 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Duy trì các vạch sơn khi nhận bàn giao, thường xuyên vệ sinh bảo đảm sáng rõ, không bị cát bụi lấp, dễ nhận biết; sơn dặm khi bị mờ hoặc bong tróc.	Đối với những vạch sơn mất đường hư hỏng cục bộ phải được sơn dặm trong vòng 07 ngày.
3.3	Cột Km, cọc H, trụ dèo, cọc mốc giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ và cọc tiêu	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.6 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ các loại cột, cọc từ khi nhận bàn giao. b) Thường xuyên vệ sinh sạch, phát quang đảm bảo tầm nhìn; các loại cột, cọc phải được chắc chắn, không xiêu vẹo; các chữ viết trên cột Km, cọc H, mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ không bị mờ, dễ đọc. c) Nắn chỉnh, sửa chữa kịp thời nếu bị hư hỏng.	Sửa chữa, thay thế trong vòng 07 ngày.
3.4	Tường hộ lan, tôn sóng	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.7 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ tường hộ lan, tôn sóng từ khi nhận bàn giao, phải chắc chắn, không bị bẩn, mờ, đủ bu lông xiết chặt. b) Đảm bảo, dễ nhận biết, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý, sử dụng đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 03 ngày sau khi phát hiện.
3.5	Dải phân cách	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.8 của	Kết cấu bê tông, bó vữa đảm bảo chắc chắn, không bị nghiêng đổ;	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	giữa, đảo giao thông	TCCS 17:2016/TCĐBVN.	sạch, không nứt vỡ hư hỏng. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý, sử dụng đường bộ.	vòng 03 ngày khi phát hiện.
3.6	Đỉnh phản quang	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.5 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ từ khi nhận bàn giao. b) Đảm bảo chắc chắn, dễ nhận biết, không xiêu vẹo; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. c) Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý, sử dụng đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 03 ngày khi phát hiện.
3.7	Hệ thống chống chói (dạng tấm, lưới,...)	Thực hiện theo quy định tại Mục 11.4 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ từ khi nhận bàn giao. b) Kết cấu đảm bảo chắc chắn, không xiêu vẹo, sạch, dễ nhận biết; các hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. c) Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý, sử dụng đường bộ	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 03 ngày khi phát hiện.
3.8	Hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông (nếu có)	Thực hiện theo quy định tại Mục 11.1, 10.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ từ khi nhận bàn giao, vận hành hệ thống đảm bảo thời lượng thấp sáng đúng quy định. b) Đèn tín hiệu giao thông luôn trong tình trạng hoạt động bình thường. Cột đèn, cần đèn, tủ điện, chóa đèn phải chắc chắn không nghiêng lệch, sạch, không bị rỉ sét, nứt vỡ. c) Thực hiện cảnh báo, đảm bảo an toàn khu vực khi xảy ra sự cố. Kịp thời xử lý khắc phục sự cố theo quy định. d) Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông	a) Bóng đèn hỏng phải sửa chữa, thay thế trong vòng 01 ngày. b) Cột đèn, cần đèn bị hư hỏng phải được sửa chữa khắc phục, hoặc báo cáo trong vòng 02 ngày.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			và báo cáo người quản lý, sử dụng đường bộ.	

4. Nền đường, thoát nước và chăm sóc cây xanh

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
4.1	Taluy đắp và taluy đào	Thực hiện theo quy định tại Mục 6.2, 6.3, 6.4 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Đảm bảo hình dạng ban đầu, không bị xói lở; đảm bảo độ chặt (đối với taluy đất); cụ thể: a) Khi có sạt lở nhỏ phải tổ chức xử lý đảm bảo an toàn giao thông. b) Các hư hỏng lớn vượt quá tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức bảo dưỡng thường xuyên do mưa bão, lở đất phải báo cáo kịp thời cho cơ quan được giao quản lý tài sản để được xem xét xử lý.	a) Phải hoàn tất sửa chữa trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện hư hỏng (mùa mưa), 03 ngày (mùa khô). b) Trường hợp sạt lở khối lượng nhỏ làm ách tắc giao thông phải khắc phục ngay để đảm bảo giao thông trong vòng 06 giờ. c) Hư hỏng lớn phải báo cáo ngay trong vòng 01 giờ.
4.2	Phát cây, cắt cỏ, tỉa cành	Thực hiện theo quy định tại Mục 6.2.3, 6.2.4, 6.2.5 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Không che khuất cọc tiêu, biển báo, cột Km và ảnh hưởng đến thoát nước; không ảnh hưởng tầm nhìn. b) Đối với taluy dương trong phạm vi chiều cao $\leq 4,0$ m cây cỏ không được cao quá 0,2 m. c) Đối với taluy âm trong phạm vi 1,0 m từ vai đường trở ra và trong bụng đường cong cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2 m. d) Cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2 m và chồm ra mặt đường.	a) Cây cỏ phải được cắt, phát quang trong vòng 03 ngày khi phát hiện. b) Cây đổ ngang đường phải khắc phục đảm bảo an toàn giao thông trong vòng 30 phút và dọn xong hoàn toàn trong 03 giờ sau khi phát hiện.
4.3	Lề đường	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.2 của TCVN 14182:2024.	a) Chênh lệch cao độ lề đường so với mép mặt đường không được vượt quá 50 mm. b) Lề đường có gia cố lớp mặt không bị biến dạng, xói lở ổ gà, vỡ mép. Phạm vi lề đường, đất của đường bộ phải thông thoáng,	Các hư hỏng của lề đường phải được khắc phục sau 05 ngày phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			không có vật liệu, chất thải chất đống.	
4.4	Rãnh và các công trình thoát nước	Thực hiện theo quy định tại Mục 7.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Phải đảm bảo thông thoáng, không được để đọng nước ; các bộ phận được gia cố không bị hư hỏng, mất; không xói lở xung quanh kết cấu rãnh.	a) Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện đối với mùa mưa, 05 ngày đối với mùa khô. b) Hư hỏng lớn, mất phải được sửa chữa hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày sau khi được phát hiện.
4.5	Hố thu và cống	Thực hiện theo quy định tại Mục 7.1 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Phải sạch rác và bùn đất, không có vật gây cản trở dòng chảy, không bị hỏng, mất về kết cấu; xung quanh phải được lèn chặt bằng vật liệu thích hợp.	a) Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 05 ngày (đối với mùa khô) b) Hư hỏng phải được sửa chữa hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày sau khi được phát hiện.
4.6	Hệ thống cây xanh	Thực hiện theo quy định tại Mục 11.5 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Cây xanh, thảm cỏ luôn được phát quang, xén tỉa đảm bảo tầm nhìn, mỹ quan, không che khuất tầm nhìn, cọc tiêu, biển báo, cột Km, hộ lan, tường chắn và ảnh hưởng đến việc thoát nước. b) Đối với dải phân cách giữa, đảo giao thông không cho phép cành cây và cỏ mọc chồm ra ngoài hàng vỉa bê tông và chiều cao cây không quá 1,3 – 1,5 m kể từ cao độ mặt vỉa.	a) Cây cỏ phải được cắt tỉa, phát quang, dọn dẹp trong vòng 01 ngày kể từ khi phát hiện chồm ra mặt đường làm che khuất tầm nhìn và gây cản trở giao thông. b) Cây đổ ngang đường phải khắc phục trong vòng 30 phút và dọn xong hoàn toàn trong 03 giờ sau khi phát hiện.

5. Cầu, hầm, cống chui, kè, tường chắn, tường chống ồn, trung tâm quản lý điều hành giao thông đường cao tốc, hệ thống giám sát điều hành giao thông trên đường cao tốc, biển báo giao thông điện tử trên đường cao tốc, hệ thống thông tin liên lạc trên đường cao tốc và các công trình khác

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
5.1	Công trình có dầm, dàn thép và thép bê tông liên hợp	Thực hiện theo quy định tại Mục 8.2.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Kết cấu sạch, không đọng nước. Các bộ phận kim loại của toàn bộ công trình phải được sơn hoặc nếu không phải được bảo vệ và không bị xói mòn, rỉ sét. b) Khi công trình bị hư hỏng đe dọa tới tính toàn vẹn kết cấu của công trình, nhà thầu phải thông báo ngay cho cấp có thẩm quyền; đồng thời phải có biện pháp cảnh báo cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến; cần thiết phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình và an toàn giao thông.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày từ khi phát hiện.
5.2	Công trình có dầm bê tông, đá xây	Thực hiện theo quy định tại Mục 8.2.1 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Tình trạng công trình bình thường, vệ sinh sạch sẽ, không đọng nước, các hư hỏng nhỏ phải được sửa chữa hoặc theo dõi. b) Khi công trình bị hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn kết cấu của công trình, nhà thầu phải thông báo ngay cho cấp có thẩm quyền; đồng thời phải có biện pháp cảnh báo cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến. Cần thiết phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình và an toàn giao thông.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày từ khi phát hiện.
5.3	Khe co giãn cầu, gối cầu, mố trụ cầu	Thực hiện theo quy định tại Mục 8.1.6, 8.3 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Sạch đất cát, không bong tróc, mất bu lông và không biến dạng, hư hỏng, đảm bảo trong tình trạng tốt. Gối cầu thép phải được bôi mỡ. b) Đối với các hư hỏng, biến dạng của gối cầu, mố trụ cầu phải được phát hiện, báo cáo và theo dõi thường xuyên. c) Các nguyên nhân dẫn đến việc không đảm bảo yêu cầu phải được thực hiện trong thời gian 14 ngày sau khi nước rút.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng: a) 01 ngày từ khi phát hiện đối với khe co giãn. b) 05 ngày từ khi phát hiện với gối, mố, trụ cầu.
5.4	Mặt cầu, đường đầu cầu	Thực hiện theo quy định tại Mục 8.1, 8.4 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Không có ổ gà, vệ sinh sạch, thoát nước tốt. Đảm bảo êm thuận phân tiếp giáp đầu cầu.	01 ngày từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			b) Xử lý ổ gà, rạn nứt, trôi lún như quy định đối với mặt đường tương ứng tại điểm 2 Mục B Phụ lục này. c) Có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo quy định khi có hư hỏng trong thời gian chờ xử lý. d) Các chỗ lún lõm, ổ gà phải được xử lý đảm bảo giao thông ngay sau không quá 01 ngày phát hiện.	
5.5	Hầm/ Cống chui dân sinh	Thực hiện theo quy định tại Mục 9 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Mặt đường hầm chui sạch, không bị đọng nước. b) Các hư hỏng, khuyết tật phải được xử lý theo tiêu chuẩn kỹ thuật. c) Mặt đường ra vào hầm êm thuận. d) Hai đầu hầm không bị khuất tầm nhìn do cây che lấp. đ) Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	a) Công tác vệ sinh mặt đường và phát quang thực hiện trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện bản, cây cối che lấp. b) Các hư hỏng khác xử lý hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi xuất hiện.
5.6	Kè hướng dòng, các kết cấu phòng hộ	Thực hiện theo quy định tại Mục 8.5 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Tình trạng công trình bình thường; không có hư hỏng, không có cây cối ảnh hưởng đến dòng chảy và kết cấu công trình. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	07 ngày từ khi phát hiện.
5.7	Tường chắn, kè	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.5.2 của TCVN 14182:2024.	Tình trạng tường chắn bình thường; không có hư hỏng, không có cây cối ảnh hưởng đến dòng chảy và kết cấu công trình, đảm bảo thoát nước bình thường. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	07 ngày từ khi phát hiện.
5.8	Tường chống ồn	Thực hiện theo quy định tại Mục 11.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Tình trạng công trình hoạt động bình thường; không bị bản, nghiêng đổ. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	07 ngày từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
5.9	Hầm đường bộ	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.7 của TCVN 14182:2024.	a) Đảm bảo mặt đường sạch, thoát nước và đảm bảo chiếu sáng đảm bảo an toàn giao thông. b) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, xử lý các hư hỏng nhỏ và theo dõi, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.	05 ngày từ khi phát hiện.
5.10	Trung tâm quản lý điều hành giao thông trên đường cao tốc (trung tâm ITS)	Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng trong giai đoạn khai thác đáp ứng quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10851:2015 “Trung tâm quản lý điều hành giao thông đường cao tốc”.	Hoạt động bình thường đảm bảo các nội dung theo quy định về yêu cầu kỹ thuật chất lượng.	a) Đối với các hạng mục công trình xây dựng gồm nhà, hệ thống cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và các công trình xây dựng khác: thời gian thực hiện bảo dưỡng không quá 07 ngày từ khi có hư hỏng, xuống cấp thuộc phạm vi công tác bảo dưỡng. b) Đối với thiết bị cấp điện (nguồn, dây dẫn, biến áp, lưu điện và các thiết bị điện lực khác), thiết bị quay phim, ghi hình, các thiết bị quang học, hệ thống máy tính, tin học: hư hỏng dây dẫn khắc phục không quá 12 tiếng; hư hỏng nhỏ các thiết bị còn lại, thời gian khắc phục không quá 24 tiếng. c) Trường hợp xảy ra sự cố, hư hỏng nằm ngoài phạm vi trên, thời gian báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý không quá 02 giờ.
5.11	Hệ thống giám sát, điều hành giao thông	Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng đáp ứng quy định trong giai đoạn khai thác tại Tiêu	Hoạt động bình thường đảm bảo các nội dung theo quy định về yêu cầu kỹ thuật chất lượng.	a) Đối với các hạng mục công trình xây dựng gồm nhà, phòng cháy chữa

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	trên đường cao tốc	chuẩn quốc gia TCVN 10850:2015 Hệ thống giám sát, điều hành giao thông trên đường cao tốc.		cháy và các công trình xây dựng khác: thời gian thực hiện bảo dưỡng không quá 07 ngày từ khi có hư hỏng, xuống cấp thuộc phạm vi công tác bảo dưỡng. b) Đối với thiết bị cấp điện (nguồn, dây dẫn, biến áp, lưu điện và các thiết bị điện lực khác), thiết bị quay phim, ghi hình, các thiết bị quang học, hệ thống máy tính, tin học: hư hỏng dây dẫn khắc phục không quá 12 tiếng; hư hỏng nhỏ các thiết bị còn lại, thời gian khắc phục không quá 24 tiếng. c) Trường hợp xảy ra sự cố, hư hỏng nằm ngoài phạm vi trên, thời gian báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý không quá 02 giờ.
5.12	Biển báo giao thông điện tử trên đường cao tốc	Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng trong giai đoạn khai thác đáp ứng quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10852:2015 “Biển báo giao thông điện tử trên đường cao tốc - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử”.	a) Hoạt động bình thường, liên tục, sạch, cung cấp các thông tin theo quy định về yêu cầu kỹ thuật chất lượng. b) Thông tin phải được hiển thị rõ ràng, dễ quan sát, không được nhấp nháy, các chữ hiển thị phải cùng một lúc. c) Đảm bảo độ sáng trong điều kiện ánh sáng ban ngày và ban đêm. d) Cập nhật thông tin trong vòng 03s (giây) khi có yêu cầu thay đổi thông tin hiển thị.	a) Biển báo không hoạt động được thì thời gian thực hiện công tác bảo dưỡng khắc phục không quá 12 giờ (trừ khi mưa, bão hoặc sự cố công trình). b) Trường hợp xảy ra sự cố, hư hỏng lớn, thời gian báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý không quá 02 giờ.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
5.13	Hệ thống thông tin liên lạc trên đường cao tốc	Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng đáp ứng quy định trong giai đoạn khai thác tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12191:2018 “Hệ thống thông tin liên lạc trên đường cao tốc”.	a) Hoạt động bình thường, đảm bảo tính kết nối được liên tục, không bị gián đoạn theo quy định về yêu cầu kỹ thuật chất lượng. b) Hệ thống điện thoại khẩn cấp tiếp nhận các thông báo về tai nạn, sự cố phương tiện và công trình trên đường cao tốc từ các cá nhân và tổ chức, hoạt động 24/24h. c) Biển chỉ dẫn số điện thoại khẩn cấp dọc tuyến cao tốc phải rõ ràng đầy đủ các số điện thoại khẩn cấp, không bị che khuất. d) Thông tin phải được ghi đầy đủ trong sổ nhật ký.	a) Hệ thống không hoạt động được thì thời gian thực hiện công tác bảo dưỡng khắc phục không quá 12 giờ. b) Trường hợp xảy ra sự cố, hư hỏng lớn, thời gian báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý không quá 02 giờ.
5.14	Nhà Hát	Duy trì những đặc trưng kiến trúc, kỹ thuật, thiết bị công trình theo công năng, đảm bảo chất lượng của Nhà Hát phù hợp với cấp công trình trong suốt quá trình sử dụng.	a) Vệ sinh sạch sẽ, vận hành, sử dụng Nhà Hát đúng công năng. b) Kiểm tra Nhà Hát thường xuyên bằng mắt và các phương tiện đơn giản để phát hiện kịp thời dấu hiệu xuống cấp, đồng thời tiến hành bảo dưỡng hoặc sửa chữa nhỏ và theo dõi, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý đối với các hư hỏng đột xuất, hoặc trường hợp hư hỏng có khả năng mất an toàn công trình.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 15 ngày từ khi phát hiện.

C. Trường hợp tuyến, đoạn tuyến đường bộ không được thiết kế theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tuyến, đoạn tuyến có mặt đường, các hạng mục nền đường, lề, rãnh, cống và các hạng mục khác hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện về kỹ thuật để áp dụng hình thức bảo dưỡng thường xuyên theo chất lượng thực hiện và các trường hợp khác không đủ điều kiện thực hiện bảo dưỡng thường xuyên theo chất lượng thực hiện thì cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ để áp dụng bảo trì theo khối lượng thực hiện tế đối với hoạt động bảo dưỡng thường xuyên.

II. QUY ĐỊNH VỀ GIÁM SÁT, NGHIỆM THU, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, KHÁU TRỪ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THUỘC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ THEO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN

A. Quy định về giám sát

1. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm tổ chức việc giám sát, nghiệm thu hoạt động bảo dưỡng thường xuyên

công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện của nhà thầu, cụ thể:

a) Trường hợp có đủ biên chế và năng lực thực hiện nhiệm vụ giám sát, cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trực tiếp thực hiện việc giám sát kết quả thực hiện hoạt động bảo dưỡng thường xuyên công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện;

b) Trường hợp không có đủ biên chế và năng lực thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động bảo dưỡng thường xuyên công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện của nhà thầu, cơ quan được giao quản lý tài sản giao Ban Quản lý dự án có đủ năng lực để tổ chức thực hiện hoạt động giám sát hoặc giao tư vấn giám sát thực hiện trong trường hợp được thuê tư vấn giám sát. Chi phí giám sát việc thực hiện bảo dưỡng thường xuyên do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

c) Tổ chức thực hiện giám sát phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và có đủ nhân sự thực hiện giám sát tại công trường phù hợp với quy mô, yêu cầu của hoạt động bảo trì thực hiện giám sát.

2. Nội dung giám sát

a) Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, đại diện của cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, đại diện của cơ quan được giao nhiệm vụ giám sát (Ban Quản lý dự án bảo trì), người thực hiện nhiệm vụ giám sát cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện.

b) Kiểm tra đối chiếu nhân lực, thiết bị thi công, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu bảo trì trên thực tế với các quy định trong hồ sơ mời thầu, dự thầu, hợp đồng bảo trì đã ký.

c) Giám sát chất lượng thực hiện hoạt động bảo dưỡng thường xuyên công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ của nhà thầu theo các tiêu chí chất lượng quy định trong hợp đồng, phát hiện các tồn tại về chất lượng thực hiện; chụp ảnh hoặc quay video hoặc lập biên bản hoặc có văn bản thông báo với đại diện nhà thầu yêu cầu khắc phục các tồn tại theo quy định; hết thời hạn khắc phục cho phép, tổ chức kiểm tra việc khắc phục của nhà thầu.

d) Định kỳ tối thiểu 01 tuần, giám sát phải kiểm tra kết quả thực hiện của nhà thầu (bao gồm cả công tác quản lý và bảo dưỡng); kiểm tra đột xuất. Tạm dừng thi công đối với nhà thầu bảo trì khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định.

đ) Báo cáo kịp thời cơ quan được giao quản lý tài sản các tồn tại vướng mắc ngoài thẩm quyền, kiến nghị giải pháp xử lý để đảm bảo chất lượng thực hiện.

e) Hằng tháng hoặc hằng quý trước ngày nghiệm thu kết quả thực hiện ít nhất 02 ngày, trên cơ sở kết quả nghiệm thu đánh giá nội bộ của nhà thầu, kết quả kiểm tra nội nghiệp và hiện trường; người thực hiện nhiệm vụ giám sát đánh giá kết quả thực hiện đối với từng tiêu chí chất lượng của từng hạng mục công việc trong tháng, đề xuất mức điểm đạt được đối với kết quả thực hiện của nhà thầu, các tồn tại, bất cập cần chấn chỉnh, báo cáo bằng văn bản kèm theo đề xuất nghiệm thu gửi cơ quan được giao chủ trì nghiệm thu xem xét, quyết định.

f) Phát hiện các sai sót bất cập trong quá trình triển khai thực hiện cũng như quy định hợp đồng, kiến nghị cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức điều chỉnh hợp đồng.

g) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của hợp đồng bảo trì.

B. Quy định về nghiệm thu

1. Việc nghiệm thu chất lượng thực hiện hoạt động bảo dưỡng thường xuyên công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo tháng hoặc theo quý; việc thanh toán thực hiện theo tháng hoặc quý và được quy định trong hợp đồng.

2. Các bên tham gia kiểm tra nghiệm thu gồm: đại diện cơ quan được giao quản lý tài sản (gọi chung là Bên A) có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với nhà thầu thực hiện hợp đồng bảo dưỡng đường bộ (Bên B) để tiến hành kiểm tra khi nghiệm thu. Bên A yêu cầu tư vấn giám sát (trường hợp Bên A có thuê tư vấn giám sát) tham gia kiểm tra khi tiến hành nghiệm thu.

a) Cơ cấu tham gia nghiệm thu gồm Bên A và tư vấn giám sát (trường hợp Bên A có thuê tư vấn giám sát) chiếm không ít hơn 2/3 số thành viên tham gia nghiệm thu, còn lại là đại diện Bên B. Đối với trường hợp có tư vấn giám sát thì Bên A phải có không ít hơn 20% số người tham gia nghiệm thu và có ít nhất một người tham gia nghiệm thu.

b) Các thành viên tham gia nghiệm thu có trách nhiệm chấm điểm đánh giá kết quả thực hiện của nhà thầu trong kỳ nghiệm thu. Điểm đánh giá trong tháng là điểm trung bình cộng của các thành viên tham gia nghiệm thu.

c) Người tham gia nghiệm thu chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thực hiện công việc của mình.

3. Kết quả nghiệm thu được lập thành biên bản và là căn cứ để xem xét thanh toán cho nhà thầu bảo dưỡng thường xuyên công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

4. Việc đánh giá kết quả thực hiện của nhà thầu được xem xét trên cơ sở:

a) Báo cáo kết quả thực hiện của nhà thầu, bảng tự chấm điểm nội bộ của nhà thầu;

b) Báo cáo, đánh giá nhận xét, bảng dự kiến chấm điểm, ý kiến đề xuất của giám sát đối với kết quả thực hiện của nhà thầu trước thời điểm đề xuất nghiệm thu;

c) Kết quả kiểm tra nội nghiệp (hồ sơ quản lý bảo trì, hồ sơ đăng ký cầu đường, nhật ký tuần đường, các hồ sơ liên quan khác nếu cần đối chiếu), kiểm tra hiện trường.

5. Đối với các tồn tại được xác định khi kiểm tra nghiệm thu, ngoài việc bị khấu trừ kinh phí theo quy định tại mục IV của Phụ lục này, nhà thầu bảo dưỡng thường xuyên có trách nhiệm tổ chức khắc phục ngay các tồn tại với thời hạn tối đa không quá 5 ngày kể từ khi có văn bản yêu cầu xử lý của cơ quan trực tiếp quản lý tài sản. Người thực hiện nhiệm vụ giám sát của cơ quan trực tiếp quản lý tài sản có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận kết quả khắc phục tồn tại của nhà thầu thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên bằng biên bản; biên bản này là tài liệu để xem xét, đánh giá kết quả thực hiện kỳ tiếp cho nhà thầu.

6. Số tiền thanh toán 1 kỳ (tháng hoặc quý):

a) Đối với trường hợp không bị khấu trừ quy định tại mục IV của Phụ lục này, thì được thanh toán 100% giá trị dự toán của kỳ theo hợp đồng.

b) Việc thanh toán trong kỳ thực hiện theo quy định của hợp đồng và bị khấu trừ giá trị tương ứng theo số điểm được nghiệm thu.

c) Trường hợp thanh toán kỳ cuối năm, phần giá trị được xác định thanh toán lũy kế cả năm còn lại nếu thiếu so với nguồn kinh phí được cấp trong năm, thì được thanh toán tiếp vào đầu kỳ đầu năm tiếp theo.

7. Căn cứ đặc điểm gói thầu, công trình và quy định tại Thông tư này, cơ quan trực tiếp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm quy định việc đánh giá chất lượng, điểm, phương pháp chấm điểm, giám sát, nghiệm thu và thanh toán trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu khi tiến hành lựa chọn nhà thầu và quy định trong hợp đồng để làm cơ sở cho các bên triển khai thực hiện.

III. QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ THEO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN

1. Việc đánh giá kết quả việc thực hiện bảo dưỡng thường xuyên công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện được thực hiện theo phương pháp chấm điểm. Khung điểm để lựa chọn đánh giá là 100 điểm (trường hợp có nhiều công việc đánh giá có thể lựa chọn khung điểm để đánh giá là 1.000 điểm) cho tất cả công việc bảo dưỡng thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong một hợp đồng, một gói thầu.

2. Nguyên tắc phân bổ điểm của mỗi công việc bảo dưỡng thường xuyên trong khung điểm thực hiện theo một trong các phương pháp sau:

a) Phương pháp xác định điểm theo giá trị dự toán chi phí bảo dưỡng thường xuyên được duyệt để xác định điểm cho từng công việc đối với gói thầu áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện:

Theo phương pháp này, điểm của mỗi công việc bằng 100 điểm (nếu áp dụng khung điểm 1.000 thì thay 100 điểm bằng 1.000 điểm) nhân với tỷ số giữa giá trị công việc chia cho giá trị dự toán của gói thầu, cụ thể được xác định như sau:

$$N_i = 100 \times (D_i / TD)$$

Trong đó:

- N_i là điểm số công việc thứ i ($i = 1 - n$, n là tổng số công việc thuộc gói thầu);
- D_i là dự toán công việc thứ i ;
- TD là tổng dự toán gói thầu được duyệt của các hạng mục, công việc trong gói thầu áp dụng bảo trì theo chất lượng.

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp các hạng mục công việc thuộc gói thầu (hợp đồng) không cần ưu tiên: như các gói thầu bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường cấp thấp (đường cấp V, cấp VI theo TCVN 4054:2005 hoặc cấp thấp hơn), đường do địa phương quản lý hoặc đường khác mà số điểm của các công việc phù hợp với tính chất của công việc.

Ví dụ 1: xác định điểm các công việc bảo dưỡng thường xuyên của gói thầu bảo dưỡng đường bộ cấp VI có giá trị dự toán duyệt là 500 triệu đồng, trong đó có 4 công việc sau: công việc vá ổ gà giá trị trong dự toán là 200 triệu đồng; công việc bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn là 100 triệu đồng; công tác nạo vét cống rãnh thoát nước có giá trị bằng 100 triệu đồng; công tác cắt cỏ giá trị dự toán là 100 triệu đồng. Xác định điểm của từng công việc bảo dưỡng thường xuyên trên trong trường hợp không đặt ra ưu tiên đối với các công việc.

Dự toán gói thầu (TD) = $(200 + 100 + 100 + 100)$ tr = 500 triệu.

Căn cứ phương pháp xác định điểm tại điểm a, khoản 2, Mục III Phụ lục này xác định điểm của từng hạng mục như sau:

Điểm của hạng mục vá ổ gà = $100 \text{ điểm} \times (200 \text{ tr} / 500 \text{ tr}) = 40 \text{ điểm}$.

Điểm của hạng mục bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn = $100 \text{ điểm} \times (100 \text{ tr} / 500 \text{ tr}) = 20 \text{ điểm}$.

Điểm của hạng mục nạo vét cống rãnh = $100 \text{ điểm} \times (100 \text{ tr} / 500 \text{ tr}) = 20 \text{ điểm}$.

Điểm của hạng mục cắt cỏ = $100 \text{ điểm} \times (100 \text{ tr} / 500 \text{ tr}) = 20 \text{ điểm}$.

(Tổng điểm 4 hạng mục thuộc gói thầu = $40 + 20 + 20 + 20 = 100 \text{ điểm}$).

b) Phương pháp xác định điểm có ưu tiên:

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp cần ưu tiên điểm cho một số công việc quan trọng so với các công việc khác thuộc gói thầu, thì căn cứ tính chất quan trọng của các công việc bảo trì để xác định mức điểm cho từng công việc. Các công việc quan trọng được ưu tiên có số điểm cao. Trường hợp này được áp dụng đối với các công trình đường bộ ngoài phạm vi quy định tại điểm a khoản này. Trong trường hợp này căn cứ tất cả các công việc bảo dưỡng thường xuyên và hệ số phản ánh mức độ ưu tiên của hạng mục để xác định như sau:

Bước 1. Xác định các công việc ưu tiên, mức ưu tiên và công việc không ưu tiên

- Các công việc ưu tiên thứ nhất gồm bảo dưỡng vá ổ gà, trám vá vết nứt, xử lý lún lõm mặt đường, hệ thống quản lý giám sát, điều hành đường cao tốc, bảo dưỡng sửa chữa mặt cầu, khe co giãn, vệ sinh hầm, thiết bị trong hầm, gọi là A_i và được ưu tiên thực hiện có hệ số K_{ai} từ 1,5 đến 2. Giá trị dự toán hạng mục này là DA_i .

- Các công việc cần ưu tiên thứ hai gồm nạo vét, khơi thông cống, rãnh thoát nước, bảo dưỡng hệ thống an toàn giao thông, sửa chữa lề đường, nền đường, phát hiện xử lý vi phạm hành lang, đầu nối trái phép gọi là B_i có hệ số K_{bi} từ 1,25 đến 1,5. Giá trị dự toán hạng mục này là DB_i .

- Tuân đường, cắt cỏ và các công việc còn lại gọi là C_i có hệ số $K_{ci} = 1$. Giá trị dự toán hạng mục này là DC_i .

Hệ số K_{ai} , K_{bi} , K_{ci} do người có thẩm quyền duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ đặt hàng quyết định trên cơ sở tính chất quan trọng của gói thầu và các công việc thuộc gói thầu.

Bước 2. Xác định điểm của công việc ưu tiên, mức ưu tiên và công việc không ưu tiên

- Điểm của công việc $A_i = 100 \text{ điểm} \times (K_{ai} \times DA_i / TL)$

- Điểm của công việc $B_i = 100 \text{ điểm} \times (K_{bi} \times DB_i / TL)$

- Điểm của công việc $C_i = 100 \text{ điểm} \times (DC_i / TL)$

Trong đó, TL xác định như sau:

$$TL = (K_{ai} \times \sum DA_i + K_{bi} \times \sum DB_i + K_{ci} \times \sum DC_i).$$

Ví dụ 2: xác định điểm các công việc trong gói thầu bảo dưỡng thường xuyên của tuyến đường cấp II theo TCVN 4054 :2005. Giá trị dự toán duyệt là 500 triệu đồng, trong đó có 4 công việc sau: công việc vá ổ gà giá trị trong dự toán là 200 triệu đồng; công việc bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn là 100 triệu đồng; công tác nạo vét cống rãnh thoát nước có giá trị bằng 100 triệu đồng; công tác cắt cỏ giá trị dự toán là 100 triệu đồng.

Xác định điểm của từng công việc bảo dưỡng thường xuyên, khi công việc vá ổ gà được ưu tiên hệ số $K_{ai} = 2$; công việc bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn có $K_{ai} = 2$; công tác nạo vét cống rãnh thoát nước có $K_{bi} = 1,5$; công tác cắt cỏ hệ số $K_{ci} = 1$.

Căn cứ phương pháp xác định điểm tại điểm b, khoản 2, Mục III của Phụ lục này việc xác định điểm của từng hạng mục như sau:

$TL = (2 \times \sum DA_i + 1,5 \times \sum DB_i + \sum DC_i)$. Thay giá dự toán các công việc vào công thức, có:

$$TL = 2 \times 200 + 2 \times 100 + 1,5 \times 100 + 1 \times 100 = 850.$$

Xác định điểm của từng hạng mục theo phương pháp tại điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục này:

$$\text{Điểm hạng mục vá ổ gà} = 100 \text{ điểm} \times (2 \times 200/850) = 47 \text{ điểm}.$$

Điểm hạng mục bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn = $100 \text{ điểm} \times (2 \times 100/850) = 23,5 \text{ điểm}$.

Điểm hạng mục nạo vét cống rãnh = $100 \text{ điểm} \times (1,5 \times 100/850) = 17,65 \text{ điểm}$.

Điểm hạng mục cắt cỏ = $100 \text{ điểm} \times (1 \times 100/850) = 11,85 \text{ điểm}$.

(Tổng điểm 4 hạng mục của gói thầu = $47 + 23,5 + 17,65 + 11,85 = 100 \text{ điểm}$).

c) Trường hợp gói thầu kết hợp hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện và bảo trì theo khối lượng thực tế thì chỉ xác định điểm để đánh giá và phân giá trị gói thầu của các công việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện theo 2 phương pháp nêu trên.

Ví dụ 3: gói thầu bảo dưỡng thường xuyên 50 km đường cấp V, mặt đường láng nhựa đã khai thác 11 năm quá thời hạn khai thác theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế. Dự toán chi phí quản lý bảo dưỡng thường xuyên cả gói thầu là 4 tỷ đồng, trong đó: giá trị phần dự toán công tác bảo dưỡng thường xuyên mặt đường là 1,5 tỷ đồng; dự toán bảo dưỡng thường xuyên các nhóm công việc như sau: nhóm bảo dưỡng thường xuyên cầu là 500 triệu, dự toán các công việc bảo dưỡng lề 250 triệu đồng; bảo dưỡng rãnh, cống thoát nước 500 triệu, bảo dưỡng nền đường 250 triệu; bảo dưỡng thường xuyên hệ thống an toàn giao thông 500 triệu; công tác quản lý và tuần đường 250 triệu; cắt cỏ, phát quang 250 triệu.

Gói thầu này được cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức bảo trì theo khối lượng đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên mặt đường do quá thời hạn khai thác nhưng chưa được sửa chữa định kỳ hoặc cải tạo nâng cấp mặt đường; các hạng mục còn lại áp dụng bảo dưỡng thường xuyên theo chất lượng. Xác định điểm của nhóm công việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng.

Bước 1: xác định tổng giá trị dự toán các hạng mục bảo trì theo chất lượng là: $4 \text{ tỷ} - 1,5 \text{ tỷ} = 2,5 \text{ tỷ}$.

Bước 2: xác định tỷ số giá trị dự toán từng nhóm công việc so với tổng giá trị dự toán tất cả các công việc bảo trì theo chất lượng thực hiện và điểm của từng hạng mục.

- Tỷ số dự toán hạng mục/tổng dự toán các hạng mục = $D_i/(TD) = \text{Dự toán hạng mục}/2,5 \text{ tỷ}$.

- Tuyến đường cấp V nên không có hạng mục công việc cần ưu tiên, do đó điểm các hạng mục được tính như sau:

Điểm của hạng mục $N_i = 100 \times D_i/TD = 100 \times D_i/2,5 \text{ tỷ}$

TT	Nhóm các hạng mục công việc	Dự toán nhóm việc (tỷ đồng)	Giá trị dự toán/Giá trị dự toán	Điểm của các nhóm
1	Bảo dưỡng cầu	0,50	0,2	20

2	Bảo dưỡng lề	0,25	0,1	10
3	Bảo dưỡng rãnh, cống thoát nước	0,50	0,2	20
4	Bảo dưỡng nền đường	0,25	0,1	10
5	Bảo dưỡng hệ thống an toàn giao thông	0,50	0,2	20
6	Các việc quản lý và tuần đường	0,25	0,1	10
7	Nhóm việc cắt cỏ, phát quang.	0,25	0,1	10

Trong trường hợp yêu cầu tính từng công việc cụ thể trong một nhóm công tác bảo dưỡng cũng áp dụng cách xác định như trên để xác định.

d) Trường hợp một số tiêu chí cần thực hiện thuộc công tác quản lý nhưng không được bố trí kinh phí để thực hiện riêng hạng mục đó (như tiêu chí A là “Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình”, tiêu chí B là “Đảm bảo trật tự an toàn giao thông”); trường hợp này điểm của tiêu chí được xác định bằng điểm của tiêu chí tương tự (tiêu chí A bằng điểm của tiêu chí “Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường”, tiêu chí B bằng điểm của tiêu chí “Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đầu nối” hoặc tiêu chí “Trực bảo luyệt”).

Ví dụ 4: điểm của tiêu chí A xác định bằng điểm của tiêu chí “Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường”; trong trường hợp này, khi xác định điểm của tất cả các tiêu chí thì số điểm của tiêu chí “Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường” được nhân 2; sau đó chia 2 để xác định điểm cụ thể của 2 tiêu chí này. Tương tự để xác định điểm của tiêu chí B “Đảm bảo trật tự an toàn giao thông” có thể xác định bằng điểm của tiêu chí “Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đầu nối” hoặc tiêu chí “Trực bảo luyệt” theo phương pháp này.

đ) Trường hợp hạng mục công việc có bố trí kinh phí nhưng không có tiêu chí riêng như công tác đăng ký đường, công tác này nằm trong tiêu chí “Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình”, thì kinh phí để thực hiện công tác này được dùng để xác định điểm của tiêu chí “Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình”.

3. Hướng dẫn chấm điểm theo kết quả thực hiện

3.1. Cơ quan được giao quản lý tài sản đường bộ có trách nhiệm quy định cụ thể việc chấm điểm trong các hồ sơ để lựa chọn nhà thầu, đặt hàng và trong hợp đồng. Việc xây dựng cách chấm điểm phải căn cứ vào tính chất và các yêu cầu đối với công việc thuộc gói thầu, yêu cầu của từng tiêu chí trong Mục I của Phụ lục này.

3.2. Hướng dẫn xây dựng cách chấm điểm: được thực hiện trên cơ sở đánh giá đối với từng tiêu chí chất lượng cụ thể theo nguyên tắc sau:

a) Đối với công tác quản lý, việc đánh giá điểm của từng tiêu chí được xác định theo các mức độ sau:

- Nhà thầu không thực hiện: không cung cấp các tài liệu chứng minh kết quả thực hiện tiêu chí, số điểm chấm là 0 điểm;

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra từ 03 lỗi trở lên trong các lỗi thì được không quá 25% điểm của tiêu chí. Các lỗi được xác định dựa trên các lỗi của nhà thầu không đáp ứng mức độ yêu cầu, thời gian khắc phục cho phép trong tiêu chí chất lượng của hạng mục công việc, ví dụ: không có hồ sơ quản lý; không kiểm tra; không phát hiện kịp thời các phát sinh, biến động tài sản và tình hình hư hỏng, xuống cấp; không cập nhật diễn biến phát sinh trình trạng công trình; không báo cáo theo quy định; không xử lý tồn tại;

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra 02 lỗi trong các lỗi trên thì số điểm chấm không quá 50% số điểm tối đa của tiêu chí;

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra 01 lỗi trong các lỗi trên thì số điểm chấm là 75% số điểm tối đa của tiêu chí;

- Nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu chất lượng: số điểm chấm là 100% số điểm tối đa của tiêu chí.

b) Đối với công tác bảo dưỡng, việc đánh giá điểm của tiêu chí được xác định theo các mức độ sau:

- Nhà thầu không thực hiện: số điểm chấm là 0 điểm;

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra từ 03 lỗi trở lên trong các lỗi ở phần sau thì đánh giá tối đa 25% số điểm của tiêu chí. Các lỗi được xác định dựa trên các lỗi của nhà thầu không đáp ứng mức độ yêu cầu, thời gian khắc phục cho phép trong tiêu chí chất lượng của từng hạng mục công việc, ví dụ xác định điểm công tác bảo dưỡng thứ i trong kỳ nghiệm thu xác định trên các lỗi:

- + Bảo dưỡng không đầy đủ, vẫn còn tồn tại không đáp ứng mức độ yêu cầu của tiêu chí chưa được xử lý;

- + Bảo dưỡng một số vị trí, bộ phận chưa đúng yêu cầu kỹ thuật chất lượng;

- + Bảo dưỡng không đáp ứng thời gian khắc phục cho phép (trừ trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai, bão, động động và bất khả kháng khác mà bảo dưỡng không kịp thời);

- + Không báo cáo, ghi chép và thực hiện các nội dung có liên quan đến bảo dưỡng theo quy định;

- + Không thực hiện hoặc thực hiện nhưng còn nhiều tồn tại đối các quy định khác liên quan đến công tác bảo dưỡng đang xem xét;

- + Không thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và các quy định khác khi thực hiện hoạt động bảo dưỡng trong hợp đồng.

- Có thực hiện nhưng để xảy ra 02 lỗi trong các lỗi trên: số điểm chấm là 50% số điểm tối đa của tiêu chí;

- Có thực hiện nhưng để xảy ra 01 lỗi trong các lỗi trên: số điểm chấm là 75% số điểm tối đa của tiêu chí;

- Đáp ứng yêu cầu: thực hiện đầy đủ các yêu cầu chất lượng, số điểm chấm là 100% số điểm tối đa của tiêu chí.

c) Việc xác định lỗi của tiêu chí có thể được xác định trên toàn bộ gói thầu hoặc trên một đoạn tuyến tùy theo tính chất công việc nhưng chiều dài xem xét không nhỏ hơn 10 km. Ví dụ đối với công tác quản lý được xem xét trên toàn bộ gói thầu, đối với công tác bảo dưỡng như bảo dưỡng mặt đường có thể được phân loại theo kết cấu mặt đường, tình trạng khai thác, điều kiện tự nhiên - xã hội của từng đoạn tuyến để phân đoạn đánh giá điểm, nhưng chiều dài của đoạn tuyến để xác định lỗi không nhỏ hơn 10 km.

4. Đối với công trình kết cấu hạ tầng đường bộ có quy trình quản lý, vận hành khai thác và bảo trì riêng (hầm hoặc cầu lớn) cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ có trách nhiệm xây dựng các tiêu chí yêu cầu về chất lượng đối với các hạng mục có trong quy trình riêng của công trình đó.

Trường hợp trong quy trình riêng của công trình có yêu cầu cao hơn (về kỹ thuật, chất lượng, về tính kịp thời và các yêu cầu khác) so với quy định tại Mục I của Phụ lục này thì không được đưa ra yêu cầu thấp hơn quy trình trong hồ sơ lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và quá trình thực hiện.

5. Đối với công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc hệ thống đường do chính quyền địa phương quản lý nhưng chưa được đầu tư xây dựng theo cấp quy định trong hệ thống tiêu chuẩn thiết kế, công trình đường bộ đã hư hỏng xuống cấp nhưng chưa được sửa chữa khôi phục lại theo thiết kế, cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quyết định áp dụng một phần hoặc toàn bộ các quy định Mục I của Phụ lục này khi xây dựng tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện.

IV. QUY ĐỊNH VỀ KHẤU TRỪ KINH PHÍ THEO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THUỘC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

1. Tổng điểm các tiêu chí nghiệm thu của kỳ nghiệm thu theo tháng đạt từ 50 điểm trên toàn bộ 100 điểm là đạt mức trung bình trở lên thì được thanh toán trên cơ sở số điểm đạt được so với tổng số điểm. Trường hợp tổng điểm trong kỳ nghiệm thu đạt dưới 50 điểm thì không được thanh toán.

Trường hợp áp dụng khung điểm 1000 thì số điểm để được thanh toán phải đạt trên 500 điểm.

2. Tỷ lệ tiền được thanh toán của tháng (viết tắt là *TTL*) được xác định bằng tổng số điểm đạt được chia cho số điểm của khung 100 hoặc 1000.

Trường hợp nghiệm thu theo từng tháng thứ 1, 2 và 3 trong một quý và thanh toán theo quý thì *TTL* của quý bằng trung bình cộng của *TTL* của **3 tháng đó**.

$$TTL \text{ quý} = (TTL1 + TTL2 + TTL3)/3.$$

3. Trường hợp trong tháng nhà thầu kết quả đánh giá không dưới 50% khung điểm thì tỷ lệ giá trị thanh toán cho nhà thầu là $TTL = \% \text{ số điểm đạt được}$. Tỷ lệ giảm trừ bằng $(1 - TTL) \times 100\%$./.

Phụ lục IV

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ VÀ MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY TRÌNH VẬN HÀNH, KHAI THÁC BẾN PHÀ, BẾN KHÁCH NGANG SÔNG SỬ DỤNG PHÀ MỘT LƯỚI CHỖ KHÁCH VÀ XE Ô TÔ

Mẫu số 01	Đơn đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô
Mẫu số 02	Quyết định phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô

Mẫu số 01: Đơn đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô

.....(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
(3)

.... (4), ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác (5) sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô, tại (6)

Kính gửi: (7)

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số/2025/TT-BXD ngày tháng năm ... của Bộ Xây dựng;

Căn cứ quyết định số ... về việc thành lập (hoặc căn cứ giấy phép hoạt động) của bến phà ... (5) tại (6) hoặc ghi tên bến khách ngang sông... (5) tại ... (6);

..... (2) đề nghị (7) phê duyệt quy trình vận hành, khai thác (5) sử dụng phà một lưới chở hành khách ... (8) và xe ô tô, tại (6).

- Gửi kèm đơn là 01 bộ hồ sơ bao gồm:

+ Quy trình vận hành, khai thác bến phà (hoặc bến khách ngang sông) sử dụng phà một lưới chở hành khách và ô tô;

+ Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động bền;

Địa chỉ liên hệ:.....

+ Số điện thoại:(nếu có); Email (nếu có);

+ Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp:

Đề nghị phương thức nhận kết quả như sau:

+ Nhận kết quả trực tiếp: ☐

+ Nhận kết quả trực tuyến ☐

+ Nhận kết quả qua hệ thống bưu chính: ☐

(Cơ quan, tổ chức, cá nhân có đơn đề nghị tự lựa chọn và đánh X vào phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

..... (9)

Nơi nhận:

-

-

-

Hướng dẫn nội dung ghi trong đơn:

- (1) Ghi cơ quan cấp trên (nếu có);
- (2) Ghi tên tổ chức đề nghị. Trường hợp cá nhân đề nghị thì không phải ghi nội dung này.
- (3) Ghi số văn bản nếu có.
- (4) Ghi tên tỉnh, thành phố.
- (5) ghi tên bến phà hoặc bến khách ngang sông, ghi tên sông mà bến chở khách và xe ô tô qua sông);
- (6) Ghi tên địa danh cấp xã, sau đó đến địa danh cấp tỉnh nơi có bến phà.
- (7) Ghi tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút giao vào quốc lộ đang khai thác.
- (8) Ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa của các phà một lượt tại bến.
- (9) Cơ quan, tổ chức, cá nhân ký đơn, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có.

Mẫu số 02: Quyết định phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô

.....(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
 (3)

.... (4), ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác (5) sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô, tại (6)

..... (7)

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số/2025/TT-BXD ngày tháng năm ... của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số về việc thành lập hoặc giấy cấp phép hoạt động của bến còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

Xét đề nghị của (8) về việc đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến (ghi tên bến phà hoặc bến khách ngang sông và địa điểm xây dựng bến), kèm theo quy trình vận hành, khai thác bến do (9) lập;

Theo đề nghị của (10) tại (11) về việc phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến ghi tên bến phà hoặc bến khách ngang sông và địa điểm xây dựng bến).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến .. (5) tại (6) kèm theo Quyết định này.

Điều 2. (12) có trách nhiệm:

1. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác bến tuân thủ Quyết định này, bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa, an toàn giao thông đường bộ, bảo đảm quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật về đường thủy nội địa và quy định khác của pháp luật có liên quan;

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân (13), Sở Xây dựng ... (14), cơ quan quản lý đường thủy nội địa và tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong quản lý và tổ chức vận hành, khai thác bến phà;

3. Dừng vận hành, khai thác bến khi không bảo đảm an toàn.

4. Các yêu cầu khác...

Điều 3. Trách nhiệm của (15):

1....

.....

Điều (có thể quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoặc quy định các nội dung khác nếu cần thiết)

.....

Điều ... Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2.

3.chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-....

-....

-.....

.....
(16)

Hướng dẫn nội dung ghi trong quyết định:

- (1) Ghi cơ quan cấp trên (nếu có).
- (2) Ghi tên cơ quan phê duyệt.
- (3) Ghi số quyết định.
- (4) Ghi tên tỉnh, thành phố.
- (5) Ghi tên bến phà hoặc bến khách ngang sông, ghi tên sông mà bến chở khách và xe ô tô qua sông)
- (6) Ghi tên địa danh cấp xã, sau đó đến địa danh cấp tỉnh nơi có bến phà, bến khách ngang sông.
- (7) Ghi chữ in hoa: GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH, THÀNH PHỐ.
- (8) Ghi tên cơ quan đề nghị và số, ngày, tháng đơn đề nghị.
- (9) Ghi tên cơ quan, tổ chức lập
- (10) Ghi tên đơn vị tham mưu của Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- (11) Ghi tên văn bản/báo cáo và ngày tháng năm văn bản của đơn vị tham mưu.
- (12) Ghi tên tổ chức, cá nhân là chủ quản lý, sử dụng hoặc người được giao quản lý, sử dụng bến.
- (13) Ghi tên xã, phường nơi đặt hai đầu bến.
- (14) Ghi tên Sở Xây dựng tại địa phương đặt bến.
- (15) Ghi tên đơn vị, tổ chức thuộc Cơ quan phê duyệt quy trình):
- (16) Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc cấp phó của người đứng đầu được gia ý tên, đóng dấu.